GIỚI THIỆU MÔN HỌC

BẢO HIỂM

Giảng viên: Đặng Bửu Kiếm

Thông tin giảng viên

- ✓ Đặng Bửu Kiếm
- ✓ Điện thoại: 0938 228 638
- ✓ Email: kiemdb@ueh.edu.vn

1.Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: Bảo Hiểm
- Số tín chỉ: 3
- Môn học tiên quyết và có liên quan: Lý thuyết xác suất thống kê, Thị trường tài chính và các định chế tài chính, toán tài chính
- Yêu cầu: SV phải có tài liệu học, nghe giảng trên lớp, làm bài tập và tham dự đầy đủ buổi học, kiểm tra và thi

2. Mục tiêu môn học

- Giúp học viên hiểu rõ các vấn đề liên quan đến nội dung và các nguyên tắc pháp lý của HĐBH, các sản phẩm bảo hiểm cơ bản và các nghiệp vụ chủ yếu trong kinh doanh bảo hiểm
- Kỹ năng: Giúp sinh viên bước đầu hình thành các kỹ năng về một số nghiệp vụ chủ yếu của doanh nghiệp bảo hiểm
- Thái độ: Giúp sinh viên phát triển tư duy logic, khả năng làm việc nhóm và trình bày trước đám đông.

3. Nội dung môn học

- Chương 1. Tổng quan về bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm
- Chương 2. Thiết kế sản phẩm bảo hiểm
- Chương 3. Thẩm định bảo hiểm và định phí bảo hiểm
- Chương 4. Giám định tổn thất và giải quyết quyền lợi bảo hiểm
- Chương 5. Khai thác sản phẩm bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm
- Chương 6. Bảo hiểm phi thương mại

4. Tài liệu học tập

❖ **Tài liệu chính:**

- Slide bài giảng
- Đặng Văn Dân (chủ biên), Giáo trình bảo hiểm, NXB Tài chính, 2018

❖ **Tài liệu tham khảo khác**

- Bùi Diệu Anh (chủ biên), Bảo hiểm: Lý thuyết & Bài tập, NXB Phương Đông, 2010;
- Nguyễn Văn Định (chủ biên), Bảo hiểm, NXB Kinh tế Quốc dân, 2010;
- George E. Rẹda, Michael Mc Namara, Principles of Risk Management and Insurance, Pearson Pulisher, 2016.
- Surender Pal, KNS Sodhi, IC 01 Principles of Insurance, Insurance Foundation Centre (R) Pulisher, 2013.

5. Phương pháp đánh giá

- **Điểm quá trình: 50% bao gồm:**
  1. Chuyên cần: 5% (điểm danh hàng buổi)
  2. Kiểm tra 15 phút: 5% (không báo trước, làm bài cá nhân tại lớp, không sử dụng tài liệu)
  3. Bài tập nhóm: 10% (thuyết trình theo nhóm)
  4. Kiểm tra giữa kỳ: 30% (báo trước, làm bài cá nhân tại lớp, không sử dụng tài liệu)
- **Điểm thi cuối kỳ: 50%** (làm bài cá nhân, trắc nghiệm và tự luận, không sử dụng tài liệu)

Bài tập nhóm

- **Đề bài:** Giới thiệu về một doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam
- Hình thức thực hiện: Theo nhóm
- Ngày nộp: buổi học thứ 7
- Yêu cầu:
  1. Đóng cuốn tiểu luận để nộp, chuẩn bị slide thuyết trình
  2. Thực hiện theo đúng nội dung và hình thức do giảng viên yêu cầu
  3. Nội dung chính của bài tiểu luận không quá 20 trang, cỡ chữ 13, cách dòng 1.15.

Danh sách công ty bảo hiểm

1.Bảo Việt nhân thọ	11.Bảo hiểm Bảo Việt
2.Prudential	12.Pjico (BH Petrolimex)
3.Manulife	13.BIC (BH ngân hàng BIDV)
4.AIA	14.Liberty
5.Ace Life	15.MIC (BH ngân hàng MB)
6.Dai – ichi	16.ABIC (BH ngân hàng Argibank)
7.Phú Hưng life	17.Bảo Minh
8.Cathay life	18.AIG
9.Generali	19.PTI (BH Bưu điện)
10.Hanwha	20.Bảo Long

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ BẢO HIỂM VÀ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Nội dung Chương 1

I. Rủi ro
II. Bảo hiểm
III. Doanh nghiệp bảo hiểm

I. Rủi ro

1. Khái niệm rủi ro
2. Phân loại rủi ro
3. Các phương thức quản trị rủi ro
4. Rủi ro có thể được bảo hiểm

I.1 Khái niệm rủi ro

- **Rủi ro là gì ?**
  - Rủi ro là một sự không chắc chắn về kết quả
  - Rủi ro là sự không thể đoán trước được một khuynh hướng dẫn đến kết quả khác với kết quả kỳ vọng
  - Rủi ro là khả năng xảy ra một sự cố không may
  - Rủi ro là sự không chắc chắn về tổn thất
- **Cho một số ví dụ về rủi ro**

I.1 Khái niệm rủi ro

❖ **Phân biệt một số khái niệm dễ nhầm lẫn**

Tổn thất

- Sự thiệt hại ngoài ý muốn về vật chất, tinh thần của một chủ thể nào đó.

Hiểm họa

- Nguyên nhân gây ra tổn thất

Nguy cơ

- Điều kiện làm phát sinh hoặc gia tăng khả năng tổn thất

I.2 Phân loại rủi ro

Rủi ro (risk)

Rủi ro là sự không chắc chắn về kết quả

(Rủi ro đầu cơ - Speculative Risk)

Rủi ro là khả năng xảy ra một biến cố xấu gắn liền với tổn thất

(**Rủi ro thuần túy - Pure Risk**)

I.3 Các phương thức quản trị rủi ro

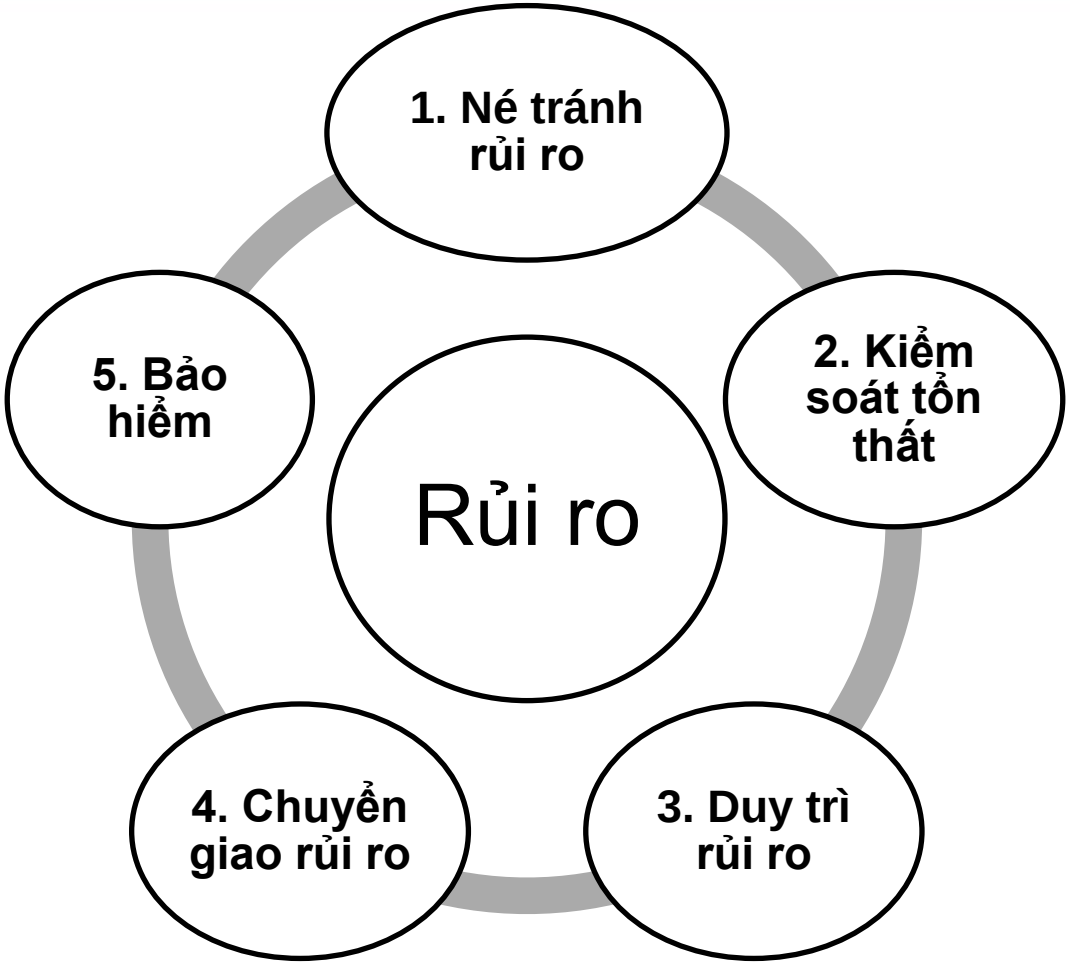

I.4 Rủi ro có thể được bảo hiểm

❖ **Kinh doanh bảo hiểm dựa trên nguyên tắc:**

- Áp dụng quy luật số lớn
- Bảo hiểm nhằm giảm thiểu tổn thất
- Bảo hiểm cho loại rủi ro không thể kiểm soát

Loại rủi ro nào được bảo hiểm?

=> Chỉ có rủi ro thuần túy mới được chấp nhận bảo hiểm. Trong phạm vi môn học, chúng ta chỉ xem xét đến khái niệm " Rủi ro thuần túy"

I.4 Rủi ro có thể được bảo hiểm

- **Những đặc trưng của rủi ro có thể được bảo hiểm:**
  1) RR phải liên quan đến một số lượng đủ lớn những người trong cộng đồng.
  2) RR xảy ra phải ngẫu nhiên, không cố ý.
  3) Tổn thất phải xác định và định lượng được.
  4) RR phải có tính cá biệt, tổn thất không phải là thảm họa.

II.Bảo hiểm

1. Khái niệm bảo hiểm
2. Lịch sử hình thành và phát triển
3. Các hình thức bảo hiểm
4. Vai trò của bảo hiểm
5. Nguyên lý của bảo hiểm
6. Nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm

II.1 Khái niệm Bảo hiểm

- Bảo hiểm là hoạt động theo đó doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. (Điều 3, khoản 1, Luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam).

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- Giai đoạn khởi nguyên:
  - Xuất phát từ nhu cầu bảo vệ bản thân và tài sản;
  - Manh nha từ thời thượng cổ: Ai Cập (4.500 năm TCN), Tây Chu, Athens (500 TCN), Babylon (1.700 TCN),…
  - Hình thức: cho vay mạo hiểm lớn
  - Tồn tại khá phổ biến và kéo dài đến tận thế kỷ 13.

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- Giai đoạn khởi nguyên:

Bảo hiểm đã manh nha xuất hiện từ thời cổ đại nhằm đáp ứng nhu cầu giảm thiểu rủi ro của các thương nhân trên biển

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- **Giai đoạn hình thành:**
  - Năm 1234, Giáo hoàng Grégoire IX nghiêm cấm hoạt động cho vay mạo hiểm lớn.
  - Năm 1347, HĐBH hàng hải đầu tiên được ký kết tại Genoa, Italia.
  - Năm 1424, Công ty bảo hiểm hàng hải đầu tiên ra đời, đánh dấu chính thức sự hình thành của ngành bảo hiểm.

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- **Giai đoạn hình thành:**

Giáo hoàng Grégoire IX

Thương cảng Genoa, nơi ký HĐBH hàng hải đầu tiên năm 1347

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- **Giai đoạn phát triển**

Vụ đại hỏa hoạn ở Anh (London) năm 1666, tồi tệ nhất trong lịch sử thế giới

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- **Giai đoạn phát triển**

Chứng chỉ bảo hiểm hỏa hoạn phát hành bởi Republic Fire Insurance Co. of Newyork, khoảng năm 1860

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- **Giai đoạn phát triển**

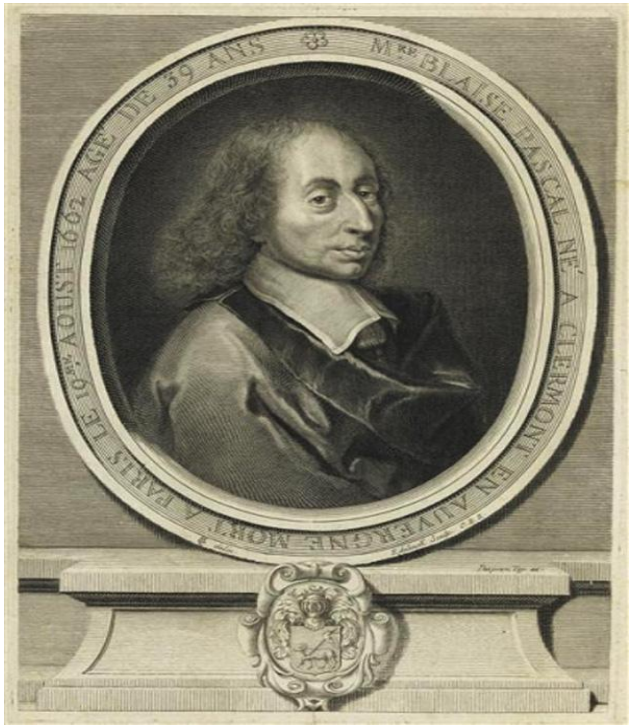

Phép toán xác suất Pascal ra đời

…sự ra đời công ty bảo hiểm nhân thọ đầu tiên là Equitable

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- **Giai đoạn phát triển**
  - TK17 và 18, Anh và Pháp phát triển loại hình bảo hiểm hỏa hoạn.
  - TK 18 và 19, bảo hiểm nhân thọ ra đời và phát triển
  - Ngày nay, bảo hiểm trở thành lĩnh vực kinh doanh đặc biệt và phổ biến ở hầu hết các quốc gia.

II.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- **Quá trình phát triển của BH Việt Nam**
  - Trước 1975: kinh doanh bảo hiểm khá sôi động tại miền Nam , còn miền Bắc chỉ có Bảo Việt.
  - Từ 1975 – 12/1993: Bảo Việt là tổng công ty bảo hiểm duy nhất do Nhà nước quản lý.
  - Từ 1994 – 12/2000: nhiều loại hình doanh nghiệp bảo hiểm và sản phẩm bảo hiểm mới ra đời.
  - Từ 2001 – 11/2007: luật kinh doanh bảo hiểm ra đời
  - Từ 11/2007 – nay: cổ phần hóa các DN bảo hiểm thuộc sở hữu Nhà nước, hội nhập vào thị trường bảo hiểm thế giới.

II.3 Các hình thức bảo hiểm

Tiêu chí phân loại các hình thức bảo hiểm

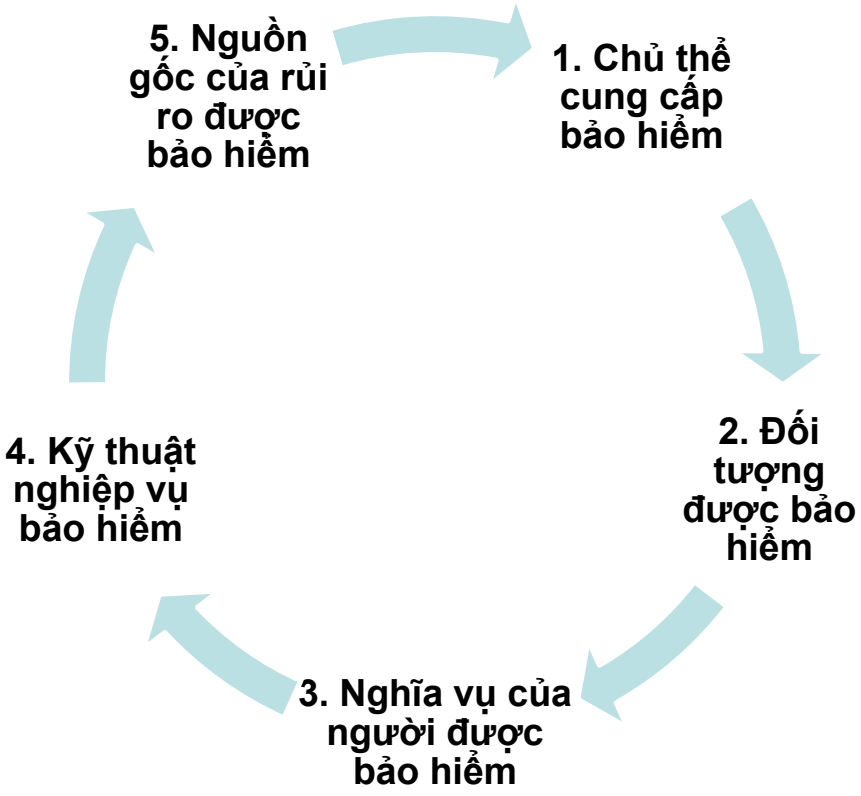

II.3 Các hình thức bảo hiểm

1. Căn cứ vào chủ thể cung cấp bảo hiểm:

Bảo hiểm xã hội (Social Insurance)

- Do Chính phủ khởi xướng và thực hiện
- Trợ cấp về vật chất cho người lao động hoặc một số thành phần đặc biệt trong xã hội
- Huy động từ người lao động, trợ cấp từ Chính phủ

Bảo hiểm thương mại (Commercial Insurance)

- Do các tổ chức bảo hiểm chuyên nghiệp thực hiện
- Đối tượng bảo hiểm rất đa dạng: con người, tài sản, trách nhiệm dân sự….

II.3 Các hình thức bảo hiểm

2. Căn cứ vào đối tượng được bảo hiểm:

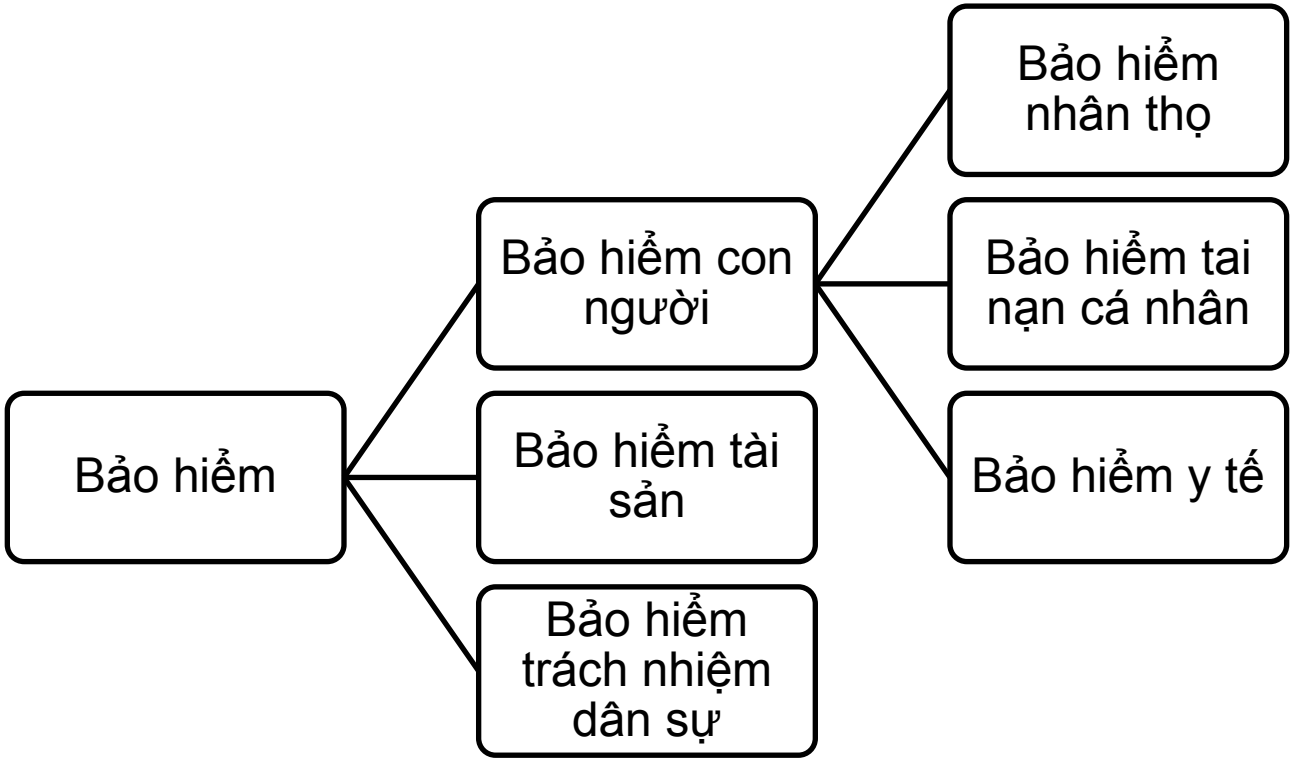

II.3 Các hình thức bảo hiểm

3. Căn cứ vào nghĩa vụ của người được bảo hiểm:

Bảo hiểm bắt buộc

+ Điều kiện và mức phí bảo hiểm do Nhà nước quy định

+ Bảo hiểm cho loại rủi ro có khả năng gây tổn thất trên diện rộng

Bảo hiểm tự nguyện

+ Dựa trên nguyên tắc thỏa thuận giữa người được bảo hiểm và nhà bảo hiểm

II.3 Các hình thức bảo hiểm

4. Căn cứ vào kỹ thuật nghiệp vụ bảo hiểm:

- **Bảo hiểm trả theo nguyên tắc khoán:**
  - Số tiền bảo hiểm được xác định ngay khi ký hợp đồng, không phụ thuộc vào tổn thất thực tế.
  - Ví dụ: bảo hiểm nhân thọ
- **Bảo hiểm trả theo nguyên tắc bồi thường**
  - Số tiền chi trả bảo hiểm dựa trên tổn thất thực tế
  - Nhà bảo hiểm đảm bảo bồi thường cho người được bảo hiểm theo tình trạng mà người này có được ngay trước khi xảy ra rủi ro
  - Ví dụ: bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm tai nạn,…

II.3 Các hình thức bảo hiểm

5. Căn cứ vào nguồn gốc của rủi ro được bảo hiểm:

Bảo hiểm nhân thọ

- Đảm bảo cho các rủi ro có liên quan đến tuổi thọ của con người
- Trung và dài hạn
- Hoàn trả theo nguyên tắc khoán

Bảo hiểm phi nhân thọ

- Đảm bảo cho các rủi ro độc lập với tuổi thọ của con người
- Ngắn hạn
- Hoàn trả theo nguyên tắc bồi thường

II.4 Vai trò của bảo hiểm

- **Cung cấp sự đền bù cho những tổn thất tài chính:**
  - Sự bồi thường tài chính thông qua bảo hiểm sẽ giúp cho các chủ thể tham gia bảo hiểm duy trì được sự ổn định và vì vậy nó là một trong những lợi ích quan trọng nhất mà bảo hiểm mang lại cho nền kinh tế,

II.4 Vai trò của bảo hiểm

❖ **Phòng ngừa tổn thất:**

- Các chủ thể tham gia bảo hiểm luôn được yêu cầu phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu hậu quả của rủi ro
- Việc phòng ngừa rủi ro giúp các nhà bảo hiểm giảm thiểu tiền chi trả bảo hiểm => tạo điều kiện giảm mức phí bảo hiểm cho người tham gia.

II.4 Vai trò của bảo hiểm

❖ **Cung cấp vốn cho nền kinh tế:**

- Các loại phí bảo hiểm hình thành nên nguồn quỹ chung của toàn xã hội
- Các công ty bảo hiểm có thể sử dụng nguồn quỹ này vào các hoạt động đầu tư thích hợp, góp phần tránh tình trạng lãng phí vốn trong nền kinh tế.

II.4 Vai trò của bảo hiểm

❖ **Cái thiện năng lực và hiệu quả làm việc của xã hội:**

- Việc tham gia bảo hiểm giúp con người giảm đi đáng kể sự lo lắng, bất an cả trước và sau khi có tổn thất.
- Từ đó, khuyến khích con người làm việc nhiều hơn và tốt hơn, cống hiến sức lực và tinh thần ở mức độ cao hơn

II.4 Vai trò của bảo hiểm

❖ **Góp phần phát triển kinh tế:**

- Bảo vệ xã hội khỏi những tổn thất to lớn về con người và tài sản
- Là một trong những kênh huy động vốn phổ biến góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng
- Kích thích sự gia tăng tín dụng của hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính khác

II.5 Nguyên lý của bảo hiểm

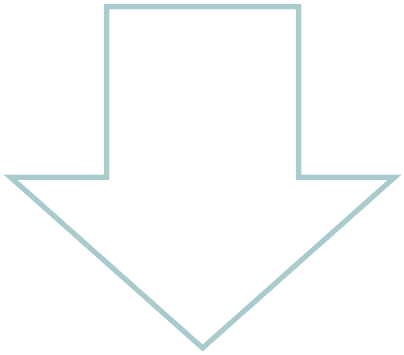

1. Cộng đồng hóa rủi ro

2. Vận dụng lý thuyết xác suất thống kê

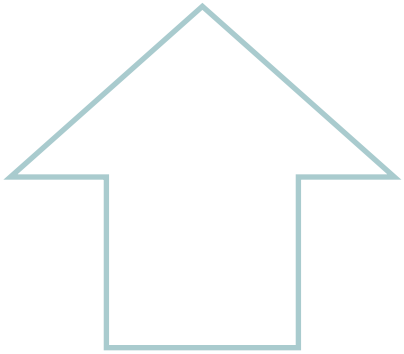

II.5 Nguyên lý của bảo hiểm

1. **Cộng đồng hóa rủi ro**

- Bảo hiểm là sự đóng góp của một số đông, cùng san sẻ cho bất hạnh của một số ít
- Bằng việc đóng phí bảo hiểm, những người tham gia bảo hiểm đã tự đặt mình vào hoàn cảnh rủi ro và sẵn sáng cùng chia sẻ những tổn thất, mất mát mà người khác đang gánh chịu

II.5 Nguyên lý của bảo hiểm

2. Vận dụng lý thuyết xác suất thống kê:

- Lý thuyết được áp dụng nhiều nhất trong ngành bảo hiểm là **Quy luật số lớn** (Law of Large Numbers)

=>Quy luật số lớn: Khi khảo sát xác suất của một biến cố nào đó, nếu số lượng của mẫu xem xét càng lớn thì xác suất thực tế sẽ dần tiến về xác suất dự kiến (xác suất lý thuyết).

II.5 Nguyên lý của bảo hiểm

2. Vận dụng lý thuyết xác suất thống kê:

- Tần suất trung bình và tổn thất trung bình được ước tính dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ.
- Nhà bảo hiểm căn cứ vào tần suất và mức độ tổn thất dự tính để tính tổng số tiền dự kiến chi trả cho sự kiện bảo hiểm

=> (Tổng số chi trả + chi phí bảo hiểm) =< Số chi phí bảo hiểm thu được

II.6 Nguyên tắt hoạt động kinh doanh bảo hiểm

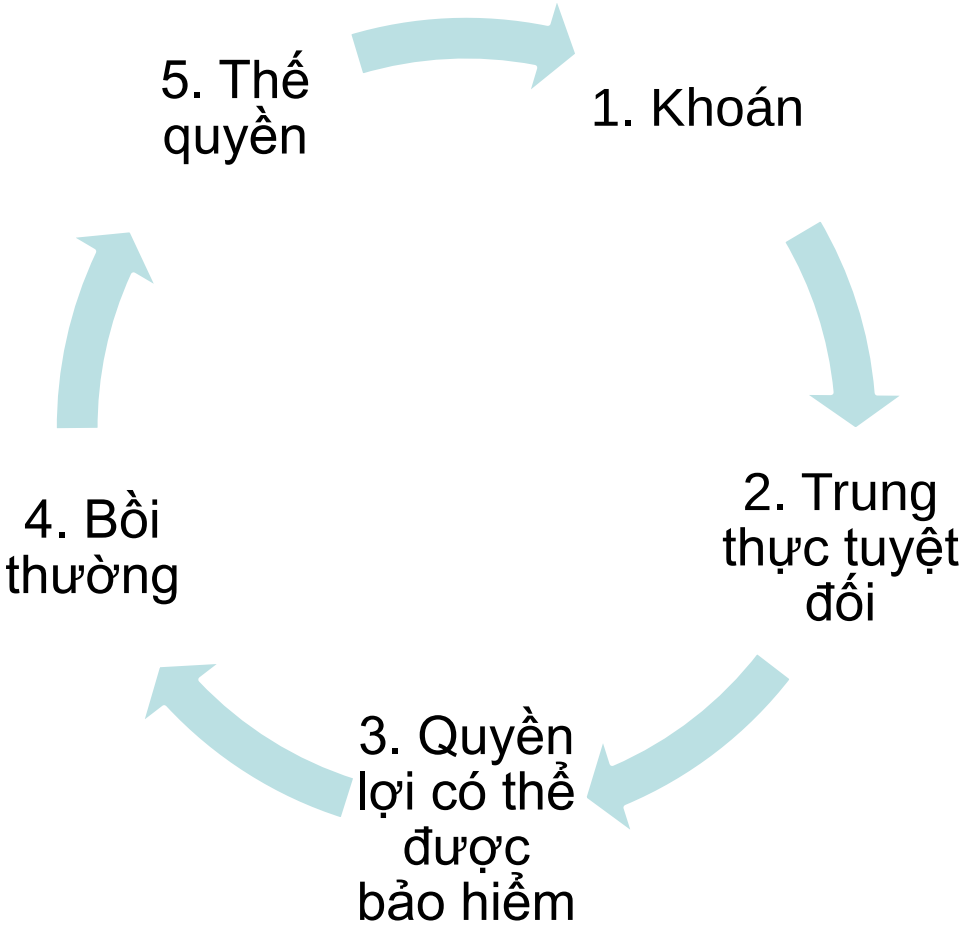

II.6 Nguyên tắt hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1. Khoán:

- Số tiền chi trả bảo hiểm được xác định trước, ngay khi ký hợp đồng bảo hiểm, không bị ảnh hưởng bởi thiệt hại thực tế khi xảy ra rủi ro.

2. Trung thực tuyệt đối

- Nhà bảo hiểm phải công khai những điều kiện, nguyên tắc, thể lệ, giá cả bảo hiểm…cho người được bảo hiểm biết.
- Người được bảo hiểm phải khai báo chính xác các chi tiết liên quan đến đối tượng bảo hiểm.

=> Hai bên trong mối quan hệ bảo hiểm chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin cung cấp cho bên kia.

II.6 Nguyên tắt hoạt động kinh doanh bảo hiểm

3. **Quyền lợi của thể được bảo hiểm (insurable interest):**

- Người có quyền lợi có thể được bảo hiểm là người có quan hệ với đối tượng bảo hiểm và được pháp luật công nhận.
- Người được bảo hiểm muốn mua bảo hiểm phải là người có quyền lợi có thể được bảo hiểm.

II.6 Nguyên tắt hoạt động kinh doanh bảo hiểm

4. Bồi thường:

Khi có tổn thất xảy ra, nhà bảo hiểm phải bồi thường một khoản, đảm bảo cho người được bảo hiểm có vị trí tài chính như trước khi tổn thất xảy ra, không hơn không kém.

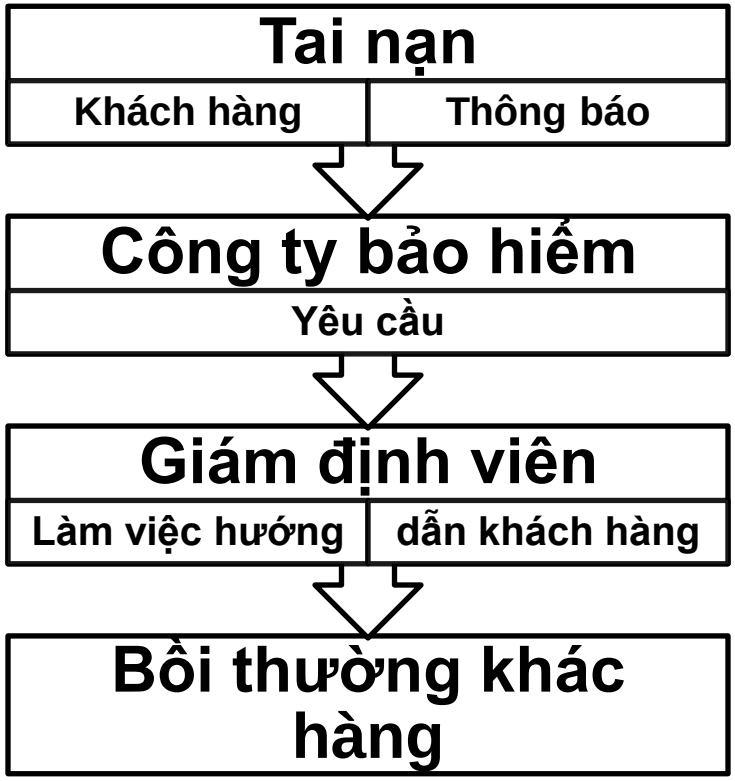

II.6 Nguyên tắt hoạt động kinh doanh bảo hiểm

5. Thế quyền:

- Nhà bảo hiểm sau khi bồi thường cho người được bảo hiểm, có quyền thay mặt người được bảo hiểm để đòi người thứ ba có trách nhiệm bồi thường cho mình:
  - Thế quyền có thể được thực hiện trước hoặc sau khi được bồi thường tổn thất.
  - Nhà bảo hiểm chỉ được thực hiện thế quyền ở mức độ tương đương với số tiền đã trả hoặc sẽ trả.

III. Doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH)

1. **Tổng quan về DNBH**
2. **Rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm**
3. **Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm**

III.1 Tổng quan về DNBH

- **Khái niệm:**
  - DNBH là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan để kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm
- **Vốn pháp định kinh doanh BH tại Việt Nam**:

Loại hình DNBH	**Vốn pháp định (tỷ đồng)**
Doanh nghiệp BHPNT	300
Doanh nghiệp BHNT	600
Doanh nghiệp môi giới BH	4

III.1 Tổng quan về DNBH

- **Các loại hình DNBH**
  - DNBH nhà nước
  - Công ty cổ phần BH
  - Tổ chức BH tương hỗ
  - DNBH liên doanh
  - DNBH 100% vốn đầu tư nước ngoài.

III.1 Tổng quan về DNBH

- **Nội dung hoạt động của DNBH bao gồm:**
  - Kinh doanh BH, kinh doanh tái BH
  - Đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất
  - Giám định tổn thất
  - Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn
  - Quản lý quỹ và đầu tư vốn
  - Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật
  - DNBH không được phép đồng thời kinh doanh BHNT và BHPNT.

III.2 Rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

Rủi ro	Sự lựa chọn bất lợi
	Tổn thất trong đầu tư
	Không có khả năng chi trả

III.2. Rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

- **Sự lựa chọn bất lợi:**
  - Sự lựa chọn bất lợi trong bảo hiểm được hiểu là sự cố ý của một người có khả năng tổn thất ở mức cao tìm cách đạt được bảo hiểm (tại mức trung bình).
  - Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, kết quả là mức tổn thất thực sự mà nhà bảo hiểm phải gánh chịu sẽ cao hơn dự kiến.

III.2. Rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

- **Tổn thất trong đầu tư:**
  - Hoạt động đầu tư quỹ gồm: mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty, mua cổ phiếu, góp vốn kinh doanh, cho vay, gửi tiền ngân hàng,…
  - Chính phủ có những quy định nhằm giới hạn mức đầu tư ở một số lĩnh vực.
  - DNBH phải thực hiện trích lập dự phòng cho hoạt động đầu tư.

III.2. Rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

❖ **Không có khả năng chi trả**.

- Biểu hiện của rủi ro này là khi DNBH không đủ khả năng chi trả đầy đủ cho các khiếu nại khi xảy ra biến cố phải thanh toán bảo hiểm.
- Nguyên nhân:
  - Phí BH và các khoản dự phòng không tính toán đầy đủ;
  - Đầu tư quỹ không tốt;
  - Rủi ro mang tính chất thảm họa.

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

Biện pháp hạn chế rủi ro	Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm
	Đồng bảo hiểm
	Tái bảo hiểm

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

❖ **Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm:**

- Dự phòng nghiệp vụ BH là khoản tiền mà doanh nghiệp BH phải trích lập nhằm mục đích thanh toán cho những trách nhiệm BH đã được xác định trước và phát sinh từ các hợp đồng BH đã giao kết.
- Dự phòng nghiệp vụ phải được trích lập riêng cho từng nghiệp vụ BH và phải tương ứng với phần trách nhiệm của doanh nghiệp BH.
- Bộ tài chính quy định cụ thể về mức trích lập, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với từng nghiệp vụ BH

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

- **Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm:**
  - **Dự phòng nghiệp vụ BHPNT:**
    - Dự phòng phí chưa được hưởng
    - Dự phòng bồi thường
    - Dự phòng các dao động lớn về tổn thất
  - **Dự phòng nghiệp vụ BHNT**
    - Dự phòng toán học
    - Dự phòng phí chưa được hưởng
    - Dự phòng bồi thường
    - Dự phòng chia lãi
    - Dự phòng đảm bảo cân đối.

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

- **Đồng bảo hiểm (coinsurance):**
  - Đồng bảo hiểm là phương thức hạn chế rủi ro cho công ty bảo hiểm thông qua việc chia sẻ rủi ro của một hợp đồng bảo hiểm cụ thể nào đó cho nhiều công ty bảo hiểm khác cùng tham gia

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

❖ **Đồng bảo hiểm (coinsurance):**

- Mỗi công ty bảo hiểm có thể tham gia nhận bảo hiểm theo các tỷ lệ khác nhau,
- Nghĩa vụ của từng công ty bảo hiểm thành viên là hoàn toàn độc lập với nhau.
- Người tham gia bảo hiểm phải thực hiện khiếu nại đối với tất cả các công ty bảo hiểm khi rủi ro xảy ra

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

❖ **Tái bảo hiểm (Reinsurance):**

- Là một hình thức chuyển giao rủi ro từ một công ty đã nhận bảo hiểm (công ty bảo hiểm gốc) cho một công ty bảo hiểm khác (công ty tái bảo hiểm).
- Lý do khiến tái bảo hiểm được ưu chuộng:
  - Giúp gia tăng năng lực khai thác bảo hiểm
  - Giúp ổn định lợi nhuận của công ty bảo hiểm
  - Cung cấp sự bảo vệ chống lại những tổn thất mang tính thảm họa
  - Tạo điều kiện để đạt được sự trợ giúp trong quá trình khai thác bảo hiểm.

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

❖ **Mô hình tái bảo hiểm:**

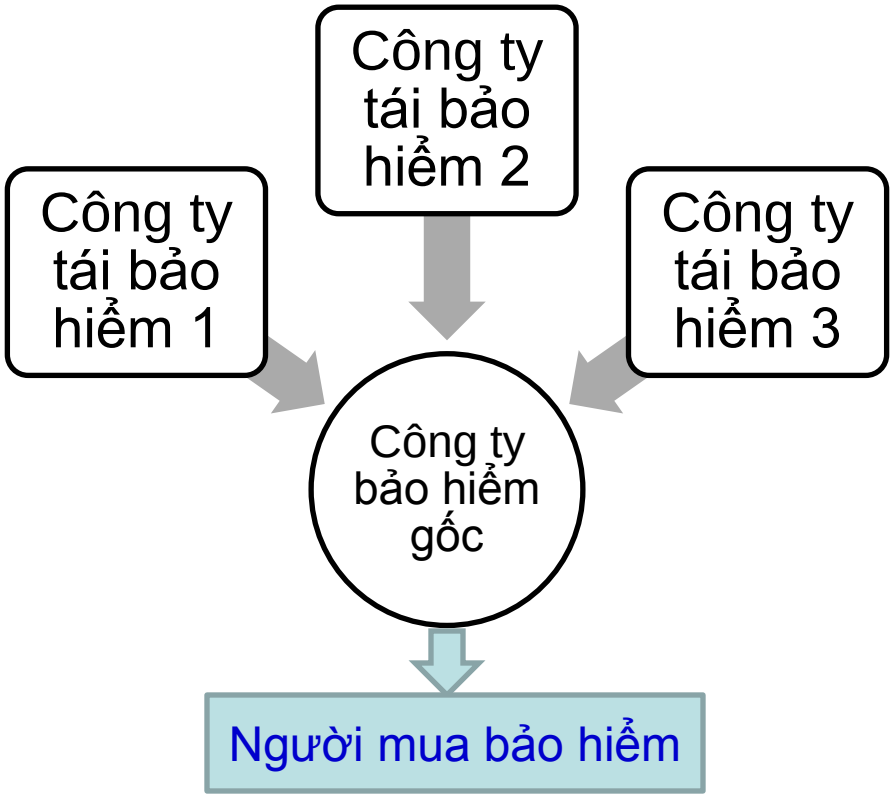

III.3. Biện pháp hạn chế rủi ro trong kinh doanh bảo hiểm

- **Hoạt động tái bảo hiểm tại Việt Nam giai đoạn 2013 – 2017**

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng phí bảo hiểm gốc	**47,851**	**55,877**	**70,162**	**87,363**	**107,820**
Phi nhân thọ	24,521	27,522	31,891	36,866	41,594
Nhân thọ	23,330	28,355	38,271	50,497	66,226
Tái bảo hiểm	**7,878**	**8,422**	**9,066**	**10,282**	**12,474**
Phi nhân thọ	7,695	8,169	8,700	9,758	11,516
Nhân thọ	183	253	366	524	958
Tổng phí bảo hiểm giữ lại	**39,973**	**47,455**	**61,096**	**77,081**	**95,347**
Phi nhân thọ	16,826	19,353	23,191	27,108	30,079
Nhân thọ	23,147	28,102	37,905	49,973	65,268

CHƯƠNG 2

THIẾT KẾ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Nội dung Chương 2

I. Bảo hiểm nhân thọ

II. Bảo hiểm phi nhân thọ

I. Bảo hiểm nhân thọ (BHNT)

1. **Khái niệm và đặc điểm của BHNT**
2. **Các sản phẩm BHNT**
3. **Thực trạng và xu hướng phát triển của BHNT**

I.1. Khái niệm và đặc điểm của BHNT

❖ Khái niệm BHNT:

- BHNT là quá trình bảo hiểm các rủi ro có liên quan đến sinh mạng, cuộc sống và tuổi thọ của con người.
- BHNT là bảo hiểm cho hai sự kiện trái ngược nhau đó là sống và tử vong.

❖ Sự ra đời của BHNT:

- BHNT là một trong những loại hình bảo hiểm ra đời khá sớm, xuất hiện lầu đầu tiên ở London (ANH) vào năm 1583.

I.1. Khái niệm và các đặc điểm của BHNT

- **Đặc điểm của BHNT:**
  - BHNT thường là trung và dài hạn
  - Vừa mang tính tiết kiệm vừa mang tính rủi ro
  - Đáp ứng được nhiều mục đích khác nhau của người tham gia bảo hiểm
  - Các loại hợp đồng rất đa dạng và phức tạp
  - Quá trình định phí khá phức tạp
  - Ra đời và phát triển trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định

I.2. Các sản phẩm BHNT

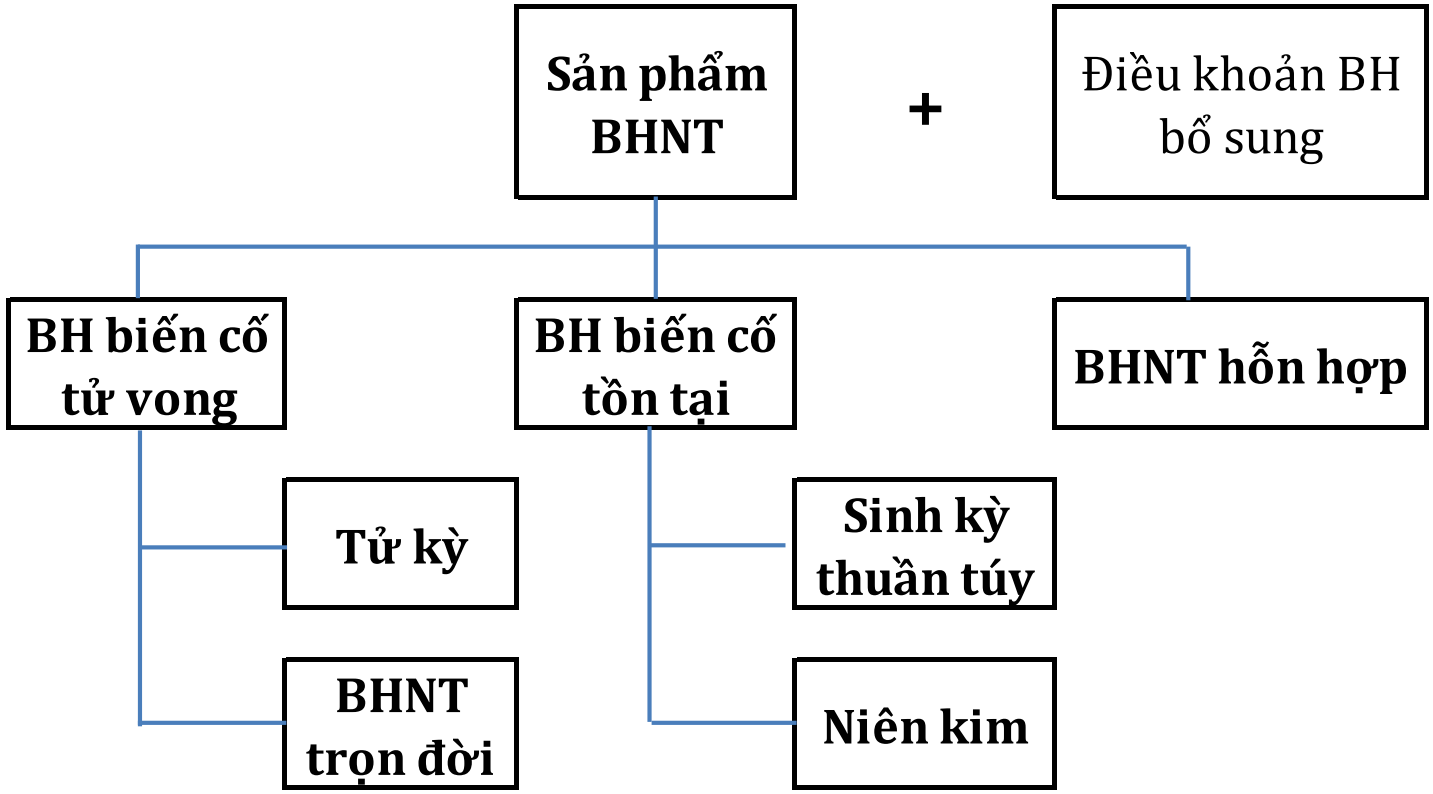

I.2. Các sản phẩm BHNT

Tử kỳ (BHNT có thời hạn**)**

- **Sự kiện được bảo hiểm:** người được BH tử vong trong thời gian đã quy định của hợp đồng
- **Đặc điểm:**
  - Thời hạn bảo hiểm xác định
  - Trách nhiệm và quyền lợi mang tính tạm thời
  - Mức phí BH thấp nhất
- **Mục đích:**
  - Đảm bảo chi phí mai tang
  - Bảo trợ cho gia đình, người thân trong một thời gian ngắn
  - Thanh toán các khoản nợ của người được BH.

I.2. Các sản phẩm BHNT

Tử kỳ (BHNT có thời hạn)

- **Mô tả sản phẩm**: Năm 30 tuổi, anh A mua một hợp đồng BH tử kỳ 3 năm

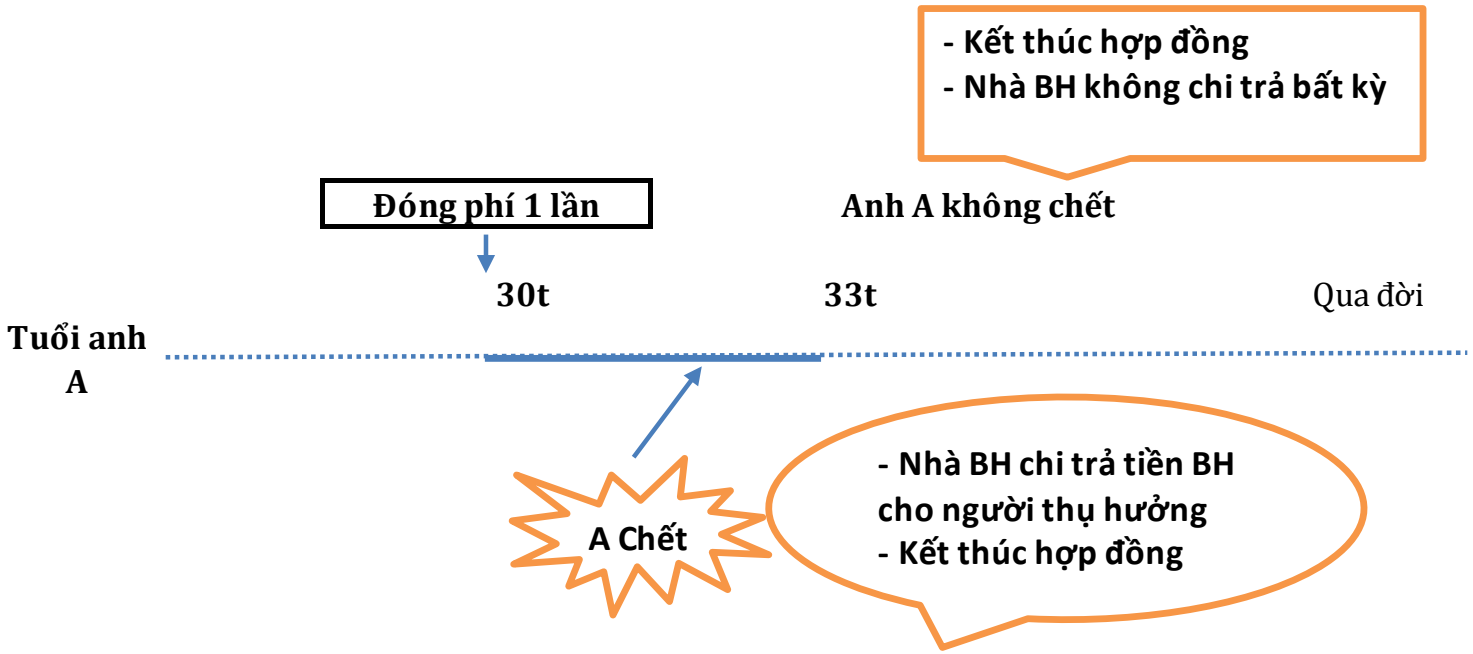

I.2. Các sản phẩm BHNT

BHNT trọn đời (BH trường sinh)

- **Sự kiện được bảo hiểm:** người được BH tử vong vào bất cứ lúc nào kể từ ngày ký hợp đồng
- **Đặc điểm:**
  - Thời hạn bảo hiểm không xác định
  - Phí BH đóng một lần hoặc định kỳ, số tiền BH trả một lần khi người được BH tử vong
  - Mức phí BH cao hơn so với BH tử kỳ.
- **Mục đích:**
  - Đảm bảo chi phí mai tán
  - Đảm bảo thu nhập để ổn định cuộc sống gia đình
  - Tích lũy vốn cho thế hệ sau

I.2. Các sản phẩm BHNT

BHNT trọn đời (BH trường sinh)

- **Mô tả sản phẩm:** Năm 30 tuổi, chị B mua một hợp đồng BHNT trọn đời, đóng phí định kỳ mỗi năm trong 20 năm

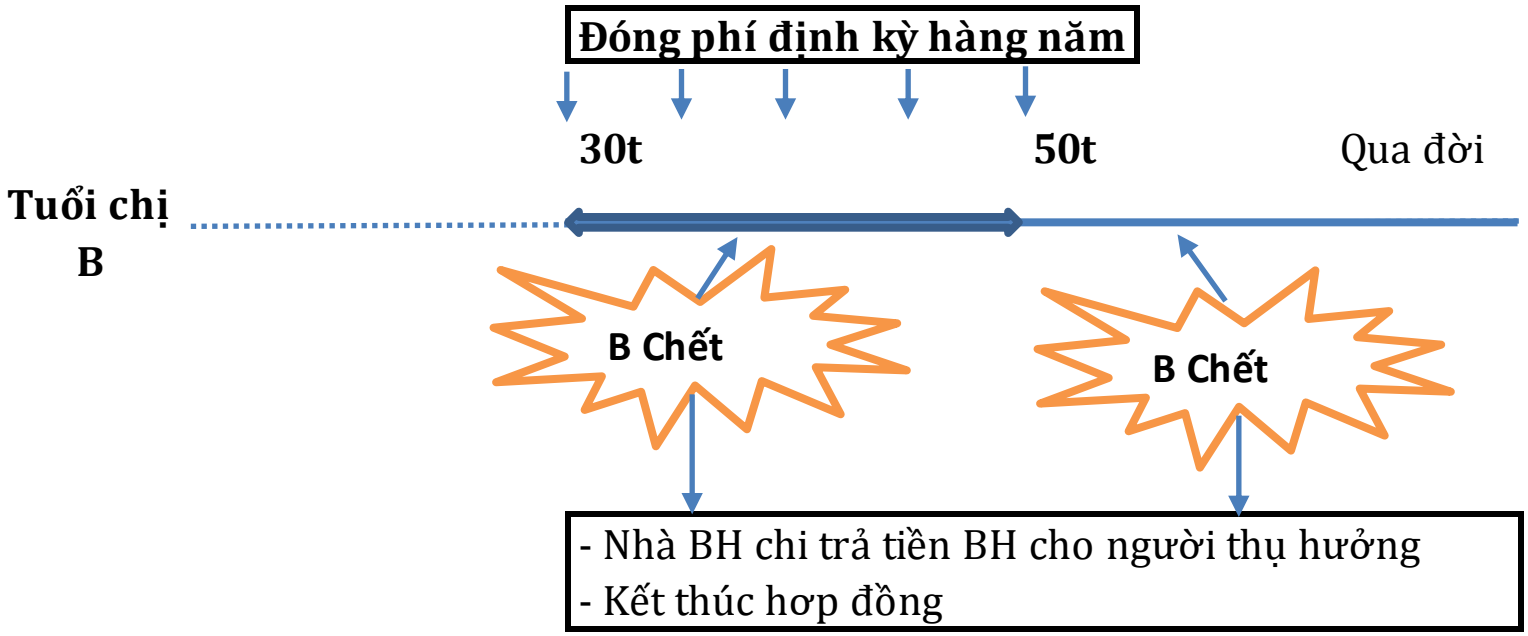

I.2. Các sản phẩm BHNT

BHNT trọn đời (BH trường sinh)

- **Các loại BHNT trọn đời:**
  - BHNT trọn đời phi lợi nhuận
  - BHNT trọn đời có tham gia chia lợi nhuận
  - BHNT trọn đời đóng phí liên tục
  - BHNT trọn đời đóng phí một lần
  - BHNT trọn đời quy định số lần đóng phí BH

PRUDENTIAL

Always Listening. Always Understanding.

I.2. Các sản phẩm BHNT

Sinh kỳ thuần túy

- **Sự kiện được bảo hiểm:** người được BH tồn tại khi kết thúc hợp đồng
- **Đặc điểm:**
  - Thời hạn bảo hiểm xác định.
  - Nếu người được BH chết trong thời gian hợp đồng, số tiền BH sẽ không được chi trả, toàn bộ phí được hoàn trả.
  - Nếu người mua BH chết trong thời gian đang đóng phí, toàn bộ quyền lợi BH vẫn được duy trì.
- **Mục đích:**
  - Đảm bảo thu nhập cho người được BH sau một thời gian nhất định.

I.2. Các sản phẩm BHNT

Sinh kỳ thuần túy

- **Mô tả sản phẩm:** Anh C mua BH an sinh giáo dục cho đứa con trai 12 tuổi, phí BH đóng liên tục đến trước ngày cháu bé tròn 18 tuổi, số tiền BH là 50 triệu đồng.

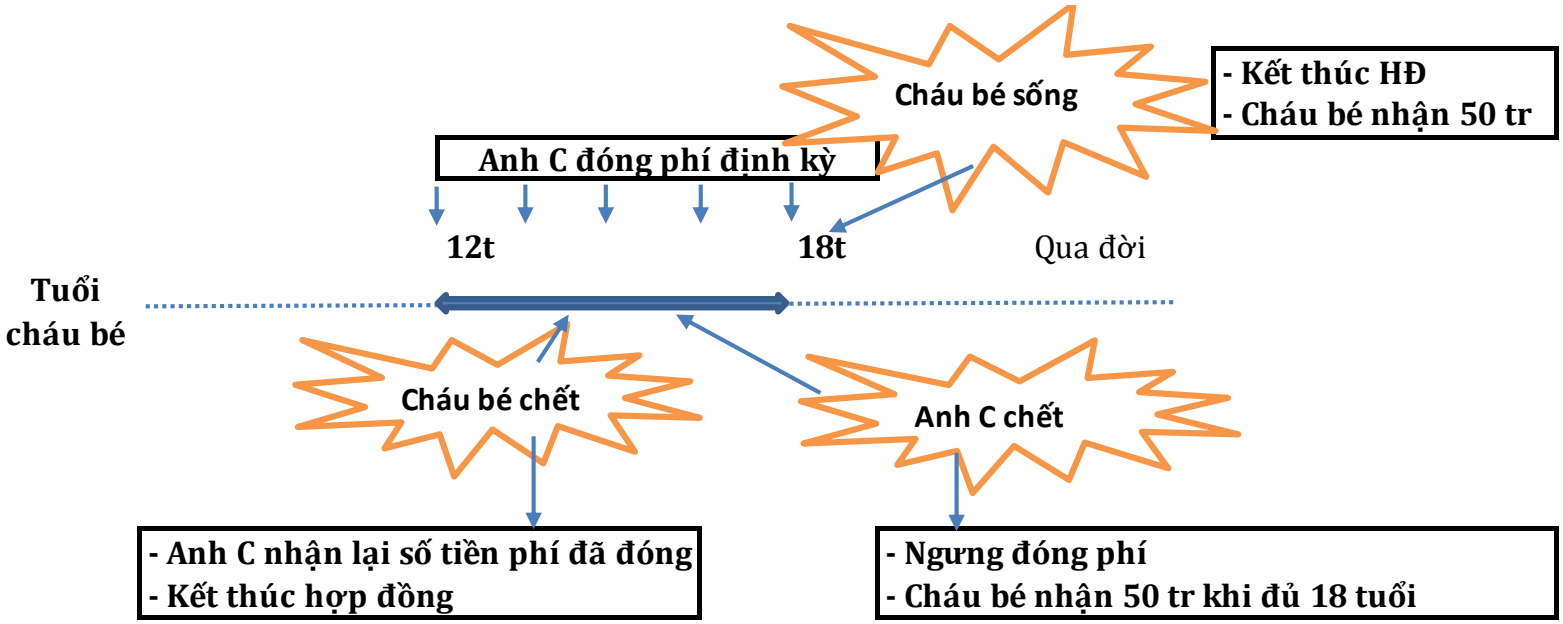

I.2. Các sản phẩm BHNT

Sinh kỳ thuần túy

I.2. Các sản phẩm BHNT

Niên kim

- **Sự kiện được bảo hiểm:** người được BH tồn tại
- **Đặc điểm:**
  - Trợ cấp định kỳ cho người được BH trong thời gian xác định hoặc cho đến khi chết.
  - Phí BH đóng định kỳ.
  - Người mua niên kim cũng là người được BH.
- **Mục đích:**
  - Đảm bảo thu nhập cố định sau khi về hưu, tuổi cao sức yếu.
  - Giảm bớt sự phụ thuộc vào phúc lợi xã hội và con cái.

I.2. Các sản phẩm BHNT

Niên kim

❖ **Mô tả sản phẩm:** Chị D (40 tuổi) mua một hợp đồng niên kim trị giá 5 triệu, đóng phí hàng tháng trong 10 năm.

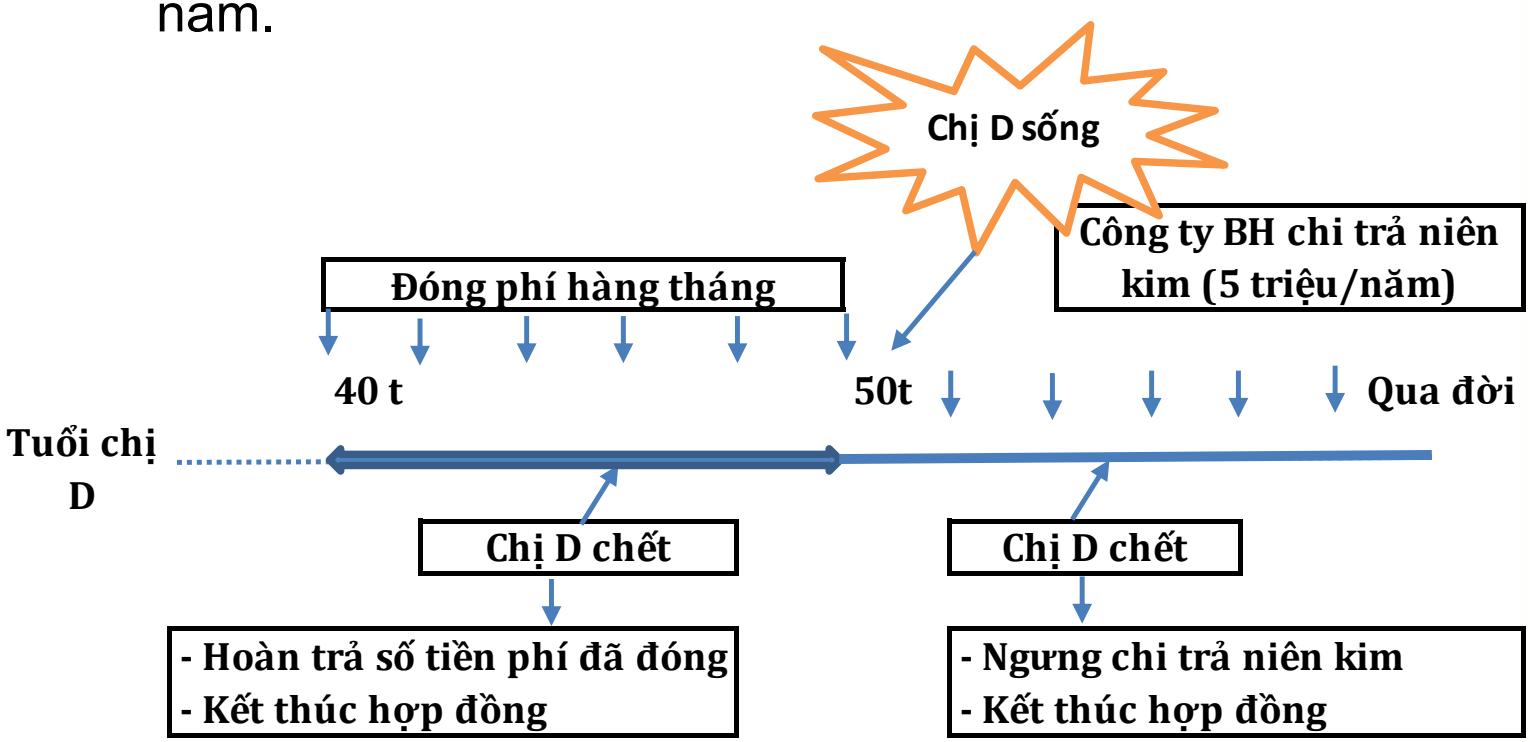

I.2. Các sản phẩm BHNT

Niên kim

❖ **Phân loại niên kim:**

Korea Life Insurance
Vietnam

I.2. Các sản phẩm BHNT

BHNT hỗn hợp

- **Sự kiện được bảo hiểm:** người được BH tử vong hay tồn tại
- **Đặc điểm:**
  - Số tiền BH được trả khi hết hạn hợp đồng hoặc người được BH chết trong thời hạn BH.
  - Thời hạn BH xác định.
  - Phí BH đóng định kỳ và cố định.
  - Có thể được chia lãi thông qua đầu tư phí BH và cũng có thể được hoàn phí khi không có điều kiện tiếp tục tham gia
- **Mục đích:**
  - Đảm bảo ổn định cuộc sống gia đình và người thân.
  - Tạo lập quỹ giáo dục, hưu trí, trả nợ.
  - Dùng làm tài sản thế chấp vay vốn, khởi nghiệp

I.2. Các sản phẩm BHNT

BHNT hỗn hợp

- **Mô tả sản phẩm:** Anh E (30 tuổi) mua 1 hợp đồng BHNT hỗn hợp với mức BH là 100 triệu, phí đóng hàng tháng trong 10 năm.

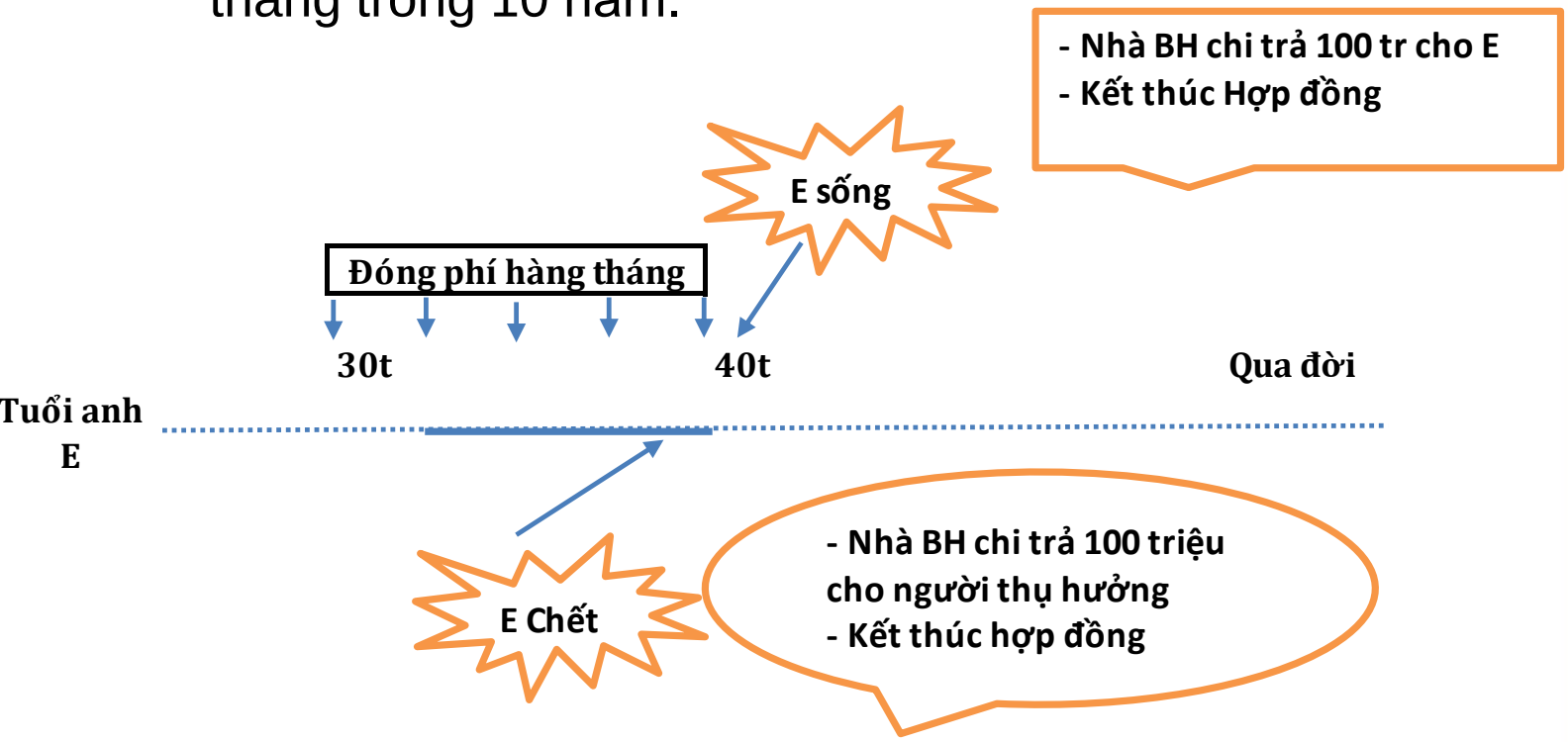

I.2. Các sản phẩm BHNT

Điều khoản bảo hiểm bổ sung

1. Điều khoản bổ sung BH nằm viện và phẫu thuật
2. Điều khoản bổ sung BH tai nạn
3. Điều khoản bổ sung BH sức khỏe
4. Điều khoản bổ sung BH khác

I.3. Thực trạng, xu hướng phát triển BHNT

❖ Thực trạng hoạt động BHNT:

Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm		Số tiền bảo hiểm		Phí bảo hiểm	
	2016	2017	2016	2017	2016	2017
Bảo hiểm trọn đời	55,122	55,644	4,849	4,975	151	165
Bảo hiểm sinh kỳ	950	852	49	43	6	5
Bảo hiểm tử kỳ	405,177	463,112	32,372	35,399	396	608
Bảo hiểm hỗn hợp	3,724,661	3,966,916	290,136	338,230	24,755	29,772
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	16,452	19,938	328	415	226	523
Bảo hiểm liên kết đầu tư (*)	2,165,871	2,833,677	817,476	1,183,797	20,475	28,829
Bảo hiểm hưu trí	23,358	31,467	2,415	3,199	317	368
Bảo hiểm sức khỏe	3,278	8,193	432	1,909	2	7
Bảo hiểm nhóm	393	330	29,648	29,851	162	140
Bảo hiểm bổ trợ	11,205,669	13,921,172	597,947	878,018	4,007	5,810
Tổng cộng (**)	**6,395,262**	**7,380,129**	**1,177,705**	**1,597,818**	**50,497**	**66,227**

(*) Nghiệp vụ BH liên kết đầu tư bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung

(**) Số lượng HĐBH và Số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm bổ trợ

I.3. Thực trạng, xu hướng phát triển BHNT

- **Thực trạng hoạt động BHNT:**

BẢNG 1: KẾT QUẢ BẢO HIỂM NHÂN THỌ GIAI ĐOẠN 2016 -2018

Nội dung	Kết quả 2016	2017	2018
Doanh thu phí bảo hiểm (tỷ đồng)	50.497	66.226	87.960
Tốc độ tăng trưởng (%)	51,95%	31,15%	32,82%
Tỷ trọng phí/GDP (%)	1,12%	1,32%	1,59%

Nguồn: Báo cáo thường niên Cục Quản lý giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính

I.3. Thực trạng, xu hướng phát triển BHNT

- **Thực trạng hoạt động BHNT:**
  - Theo thống kê của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ Tài chính (Cục QLGSBH), tính tới thời điểm cuối năm 2019, thị trường bảo hiểm có 66 doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, gồm 30 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 18 doanh nghiệp bảo hiểm, 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm, 16 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và 1 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
  - Tổng tài sản ước các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2019 đạt 454.379 tỷ đồng, tăng 15,03% so với năm trước. Trong đó, tổng tài sản các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 89.447 tỷ đồng, bảo hiểm nhân thọ ước đạt 364.932 tỷ đồng.
  - Các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 376.555 tỷ đồng, tăng 16,36% so với năm 2019. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm ước đạt 285.965 tỷ đồng, tăng 18,58%; tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 89.345 tỷ đồng tăng 9,34% so với năm 2018.

I.3. Thực trạng, xu hướng phát triển BHNT

- **Thực trạng hoạt động BHNT:**
  - Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 160.180 tỷ đồng, tăng 20,54%, trong đó, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 52.387 tỷ đồng và nhân thọ đạt 107.793 tỷ đồng. Các doanh nghiệp bảo hiểm đã chi trả quyền lợi bảo hiểm ước đạt 44.006 tỷ đồng.
  - Đối với các doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổng doanh thu hoạt động kinh doanh năm 2019 ước đạt 794 tỷ đồng, tăng 3,7% so với năm 2018.

I.3. Thực trạng, xu hướng phát triển BHNT

- **Thực trạng hoạt động BHNT:**
  Thị phần doanh thu phí BHNT 9 tháng năm 2018

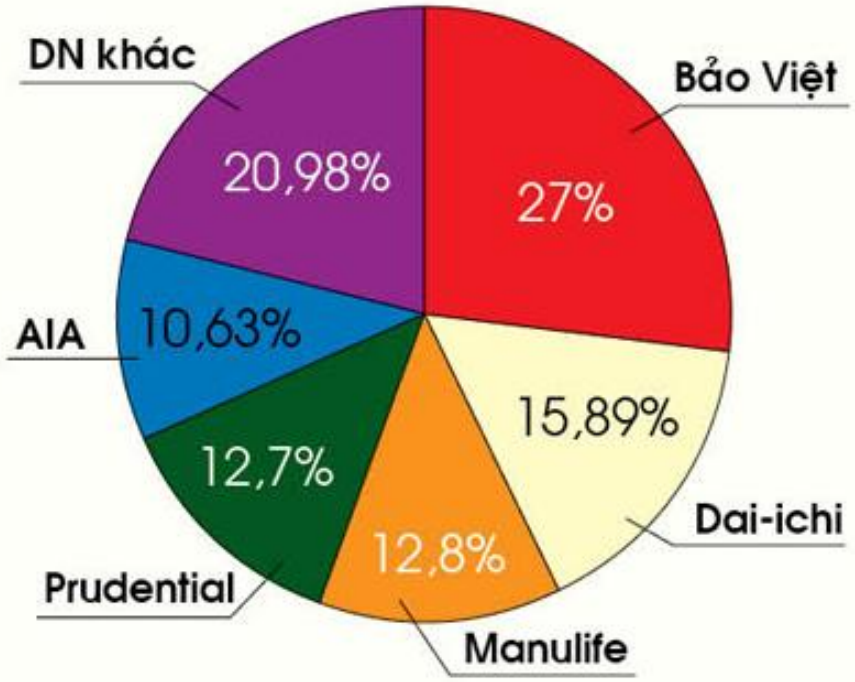

I.3. Thực trạng, xu hướng phát triển BHNT

- **Xu hướng phát triển BHNT:**
  - Các doanh nghiệp BH tiếp tục thực hiện chiến lược tái cơ cấu.
  - Nhà nước thoái vốn dần khỏi các công ty BH có vốn Nhà nước, mở cửa cho đối tác nước ngoài tham gia
  - Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật mới ban hành trong lĩnh vực BH
  - Phấn đấu đạt mức tăng trưởng BHNT cao và ổn định

II. Bảo hiểm phi nhân thọ (BHPNT)

1. **Khái niệm và đặc điểm của BHPNT**
2. **Các sản phẩm BHPNT**
3. **Thực trạng và xu hướng phát triển của BHPNT**

II.1. Khái niệm và đặc điểm của BHPNT

- **Khái niệm BHPNT**
  - BHPNT là quá trình bảo hiểm các rủi ro độc lập với tuổi thọ của con người.
- **Đặc điểm của BHPNT**
  - BHPNT thường là ngắn hạn.
  - Tính rủi ro được bộc lộ khá rõ, tính tiết kiệm không được thể hiện.
  - Đối tượng được BH có thể là tài sản, trách nhiệm dân sự hay con người.
  - Ra đời và phát triển sớm hơn loại hình BHNT.

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH tài sản

BH
trách nhiệm dân sự

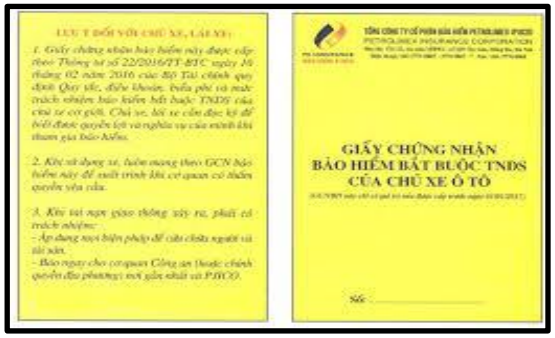

BH con người phi nhân thọ

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH vật chất xe cơ giới

- **Đối tượng được BH:** bản thân những chiếc xe còn giá trị và được phép lưu hành trên lãnh thổ quốc gia.
- **Phạm vi BH:**
  - Tai nạn do đâm va, lật đổ
  - Cháy nổ, going bão, lũ lụt
  - Mất cắp toàn bộ xe
  - Tai nạn do rủi ro bất ngời khác gây ra
- **Giá trị BH: = Giá trị ban đầu – khấu hao**
- **Số tiền BH : ≤ Giá trị BH**
- **Phí BH = Tỷ lệ phí x Số tiền BH**

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH vật chất xe cơ giới

- **Số tiền bồi thường:**
  - **TH1: tổn thất bộ phận**

Số tiền bồi thường =

$$\sum_{i=1}^{n} \boldsymbol{min}(Thiệt\ hại\ thực\ tế\ bộ\ phận\ i; Giá\ trị\ thực\ tế\ bộ\ phận\ i)$$

  - **Ví dụ:** Ông A mua BH toàn bộ theo giá trị thực tế chiếc xe ô tô của mình là 340 triệu. Trong thời hạn BH, xe gặp tai nạn. Thiệt hại tính theo chi phí sửa chữa là 110 triệu cho thân vỏ, 60 triệu cho động cơ. Biết tỷ lệ giá trị tổng thành của thân vỏ là 53,5%, của động cơ là 15,5%. Tính số tiền bồi thường.

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH vật chất xe cơ giới

❖ **Số tiền bồi thường:**

- **TH 2: tổn thất toàn bộ**

Số tiền bồi thường = Giá trị ban đầu x (1- Tổng tỷ lệ khấu hao)

Trong đó: Giá trị ban đầu = số tiền BH/ (1 – Tỷ lệ khấu hao trước khi mua BH)

- **Ví dụ:** Đầu năm 2018, ông B mua bảo hiểm toàn bộ giá trị thực tế cho chiếc ô tô với số tiền BH là 300 triệu, xe đã sử dụng 5 năm. Ngày 15/7/2018 xe gặp tai nạn bị tổn thất toàn bộ. Tỷ lệ khấu hao xe là 5%/năm. Tính số tiền bồi thường.

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH trách nhiệm dân sự

- **Đối tượng được BH:** quyền lợi dân sự của người thứ 3 bị tổn hại khi mua BH vi phạm nghĩa vụ dân sự của mình.
- Một sô loại BH trách nhiệm dân sự thông dụng:
  - BHTNDS ngoài hợp đồng
    - BHTNDS của chủ xe cơ giới
    - BHTNDS của chủ vật nuôi
    - BH trách nhiệm công cộng
  - BHTNDS trong hợp đồng
    - BH trách nhiệm của chủ sử dụng lao động
    - BH trách nhiệm sản phẩm
    - BH trách nhiệm nghề nghiệp.

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH trách nhiệm dân sự

- **Phương pháp xác định số tiền bồi thường:**
  - **X**ác định trách nhiệm của người được BH đối với bên thứ 3 (ký hiệu là A), căn cứ vào mức độ lỗi của người được BH và thiệt hại của bên thứ 3.
  - Đối chiếu với mức trách nhiệm của hợp đồng BH (ký hiệu là B)
  - Xác định số tiền bồi thường
    - A<B: số tiền bồi thường =A
    - A ≥ B: số tiền bồi thường bằng B

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH con người phi nhân thọ

❖ **Đặc điểm**:

- Hậu quả của những rủi ro mang tính chất thiệt hại, vì rủi ro BH ở đây là tai nạn, bệnh tật, ốm đau, thai sản liên quan đến thân thể và sức khỏe con người.
- Người được BH thường được quy định trong một khoảng tuổi cụ thể nào đó.
- BH con người phi nhân thọ thường là ngắn hạn
- Các nghiệp vụ BH con người phi nhân thọ thường được triển khai kết hợp với các nghiệp vụ BH khác trong cùng một hợp đồng BH.

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH con người phi nhân thọ

❖ **Một số sản phẩm BH con người phi nhân thọ**:

- BH ốm đau và tai nạn thân thể (*)
- BH trợ cấp nằm viện và phẫu thuật (**)
- BH tai nạn con người 24/24
- BH tai nạn hành khách
- BH học sinh

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH ốm đau và tai nạn thân thể

- **Đối tượng được BH**: Con người. Tại VN, độ tuổi BH phổ biến là 16-60 tuổi.
- **Phạm vi BH:** người được BH bị ốm đau, tai nạn gây chết hoặc thương tật, ngoại trừ:
  - Tai nạn do vi phạm pháp luật
  - Hành động cố ý gây tai nạn hoặc tử vong
  - Bị ảnh hưởng của bia rượu ma túy, chất kích thíchh
  - Ngộ độc thức ăn, đồ uống
  - Điều trị hoặc sử dụng thuốc không theo chỉ định
  - Động đất, núi lửa, nhiễm phóng xạ

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH ốm đau và tai nạn thân thể

- **Số tiền BH và phí BH**
  - Có nhiều mức tiền BH khác nhau do công ty BH quy định
  - Phí BH: phụ thuộc vào số tiền BH và các yếu tố liên quan đến sự kiện BH
- **Chi trả BH:**
  - Trách nhiệm BH nằm trong giới hạn của số tiền BH
  - Công ty BH chi trả toàn bộ 100% số tiền BH khi người được BH tử vong. Nếu không, số tiền chi trả căn cứ vào tỷ lệ và mức độ thương tật thực tế.
  - Thường có quy định về mức miễn thường.

II.2. Các sản phẩm BHPNT

BH trợ cấp nằm viện và phẫu thuật

- **Đối thượng BH:** con người trong độ tuổi nhất định
- **Phạm vi BH:**
  - Ốm đau, bệnh tật, thương tật, thai sản phải nằm viện, phẫu thuật
  - Chết trong quá trình nằm viện, phẫu thuật
- **Số tiền BH và phí BH:**
  - Có nhiều mức BH khác nhau
  - Phí BH: Phụ thuộc vào số tiền BH, và các yếu tố như: độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, phạm vi BH,…
- **Chi trả BH:** được thực hiện theo nguyên tắc bồi thường

II.3. Thực trạng và xu hướng phát triển của BHPNT

❖ **Thực trạng hoạt động BHPNT**

Theo Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm (ISA), tính tới thời điểm cuối năm 2019,

- Thị trường bảo hiểm có 30 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và 1 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.
- Tổng tài sản các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 89.447 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 52.387 tỷ đồng.
- Thị phần doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tập trung chủ yếu vào 5 doanh nghiệp lớn bao gồm: Bảo Việt, PVI, Bảo Minh, PTI và Pjico.

II.3. Thực trạng và xu hướng phát triển của BHPNT

❖ **Thực trạng hoạt động BHPNT**

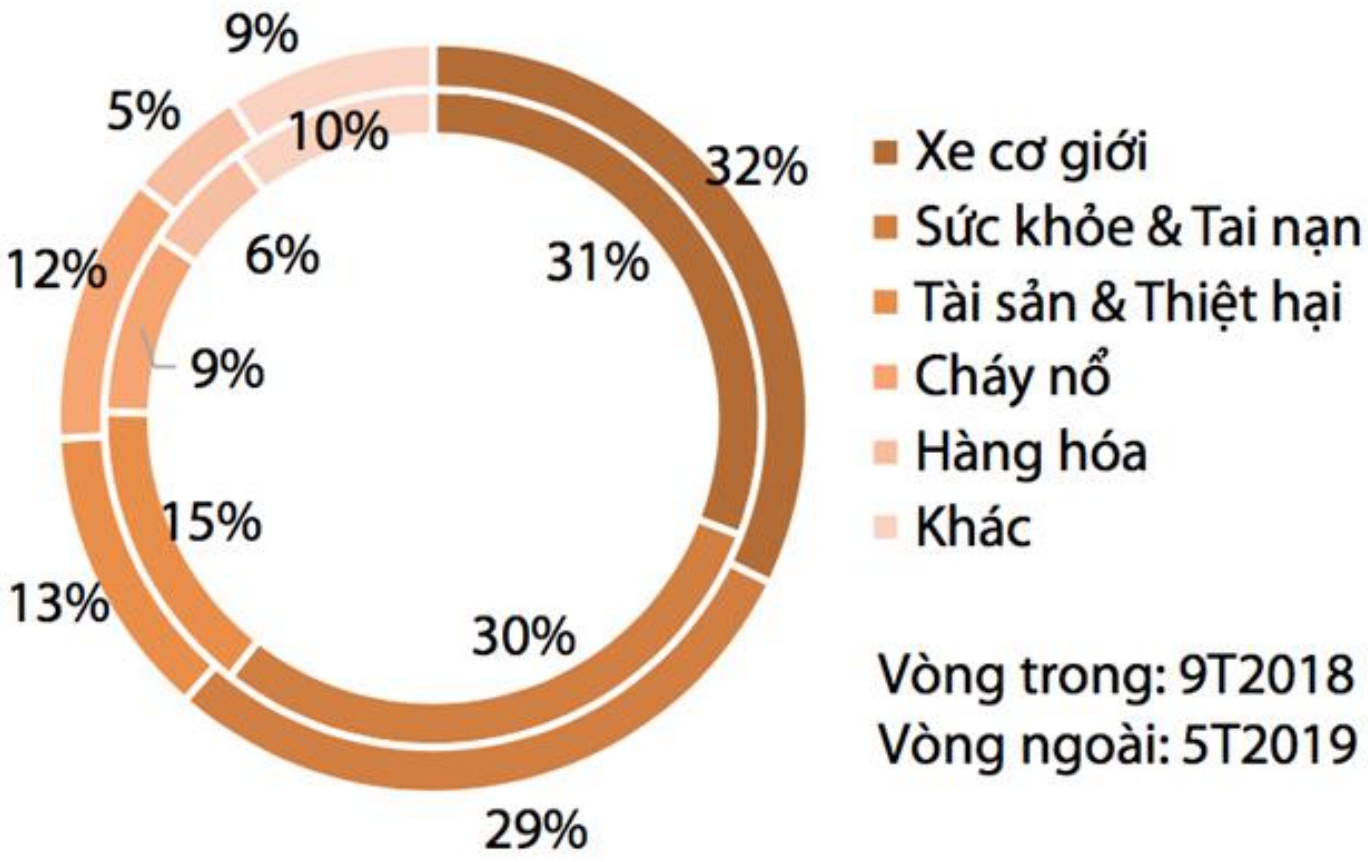

II.3. Thực trạng và xu hướng phát triển của BHPNT

❖ **Xu hướng phát triển BHPNT:**

- Đa dạng hóa và phát riển mạnh các sản phẩm BHPNT thị phần thấp trước đây như: bảo hiểm tư nhân, bảo hiểm mất cắp hay cháy nổ xe máy, bảo hiểm du lịch, bảo hiểm trách nhiệm (bác sĩ, luật sư, giám đốc), bảo hiểm doanh nghiệp,...
- Cùng với việc quảng bá những sản phẩm thích ứng với tình hình mới, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ cũng cần chuẩn bị nguồn nhân lực và bộ máy tổ chức, quản trị để phát triển bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm tín dụng xuất khẩu sau thời gian thí điểm (năm 2014), bảo hiểm nhà máy điện hạt nhân, bảo hiểm tàu điện ngầm và đường sắt trên cao.

CHƯƠNG 3

THẨM ĐỊNH BẢO HIỂM VÀ ĐỊNH PHÍ BẢO HIỂM

Nội dung Chương 3

I. Thẩm định bảo hiểm
II. Tính phí sản phẩm bảo hiểm
III. Các phương pháp trích lập dự phòng trong bảo hiểm

I. Thẩm định bảo hiểm

1. Khái niệm thẩm định bảo hiểm
2. Nguyên tắc thẩm định bảo hiểm
3. Quy trình thẩm định bảo hiểm

I.1. Khái niệm thẩm định bảo hiểm

- **Khái niệm thẩm định bảo hiểm:**
- **Thẩm định bảo hiểm** là nghiệp vụ xem xét khả năng được bảo hiểm của khách hàng từ các thông tin trên hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và những giấy tờ kèm theo do khách hàng cung cấp. Thẩm định viên sẽ có quyết định cuối cùng là chấp nhận hay từ chối bảo hiểm

I.2. Nguyên tắc thẩm định bảo hiểm

- **Nguyên tắc thẩm định bảo hiểm:**
  - Chỉ chấp nhận bảo hiểm cho những rủi ro mà khách hàng chưa hề biết trước.
  - Bám sát nguyên tắc trung thực tuyệt đối và quyền lợi được bảo hiểm

I.3. Quy trình thẩm định bảo hiểm

❖ Quy trình thẩm định bảo hiểm:

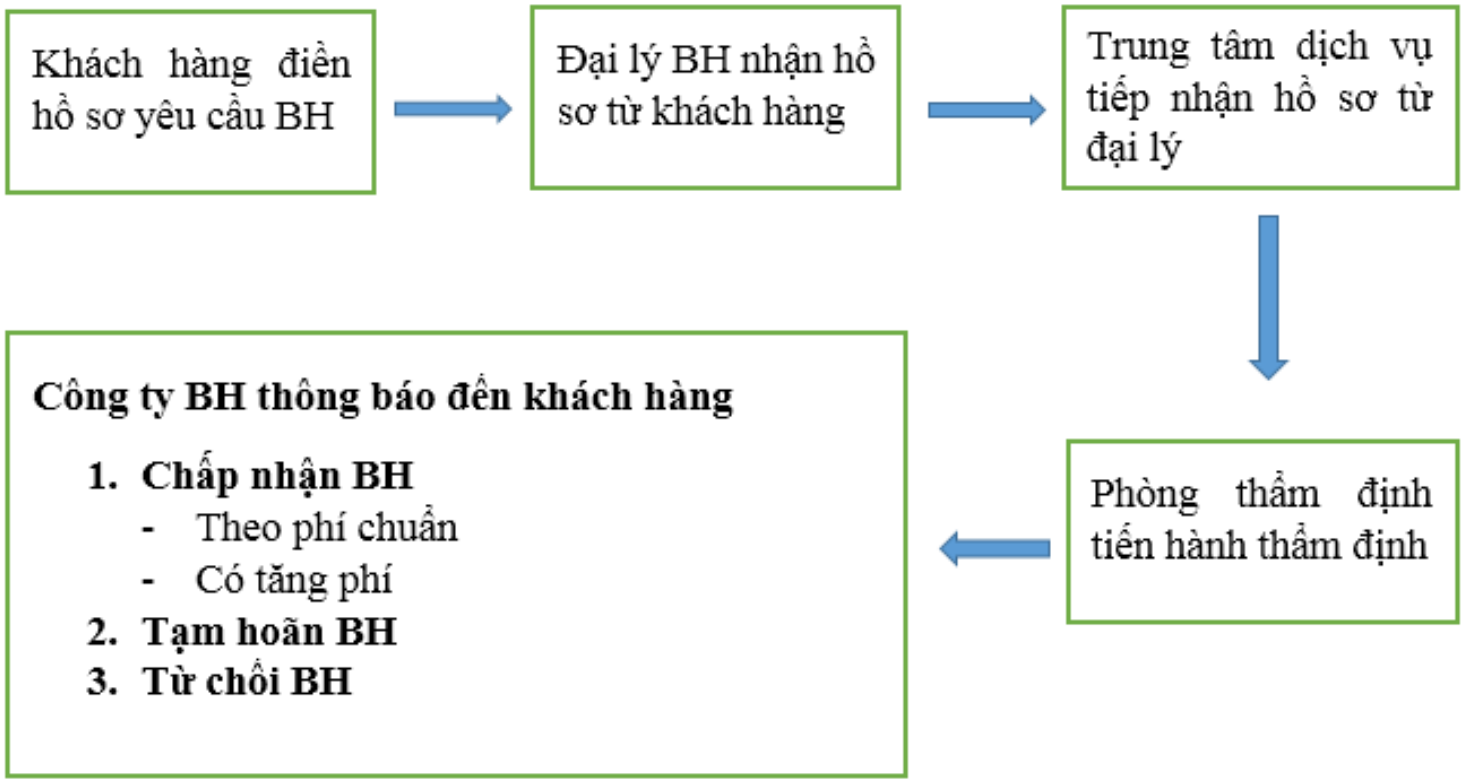

II.Tính phí sản phẩm bảo hiểm

1. Tính phí sản phẩm BHNT

2. Tính phí sản phẩm BHPNT

II.Tính phí sản phẩm bảo hiểm

NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG

NGUYÊN TẮC CÂN BẰNG

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

- **Nguyên tắc tính phí BHNT:**
  - Phí BH được xác định sao cho tất cả các khoản thu trong tương lai phải đủ để trang trải cho các khoản chi phí và các khoản tiền BH, đồng thời mang lại lợi nhuận hợp lý cho công ty
  - Phí BH phải được tính toán dựa trên những cơ sở khoa học
  - Quá trình định phí phải dựa vào một số giả định
  - Phí BHNT còn phải đảm bảo yếu tố cạnh tranh

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

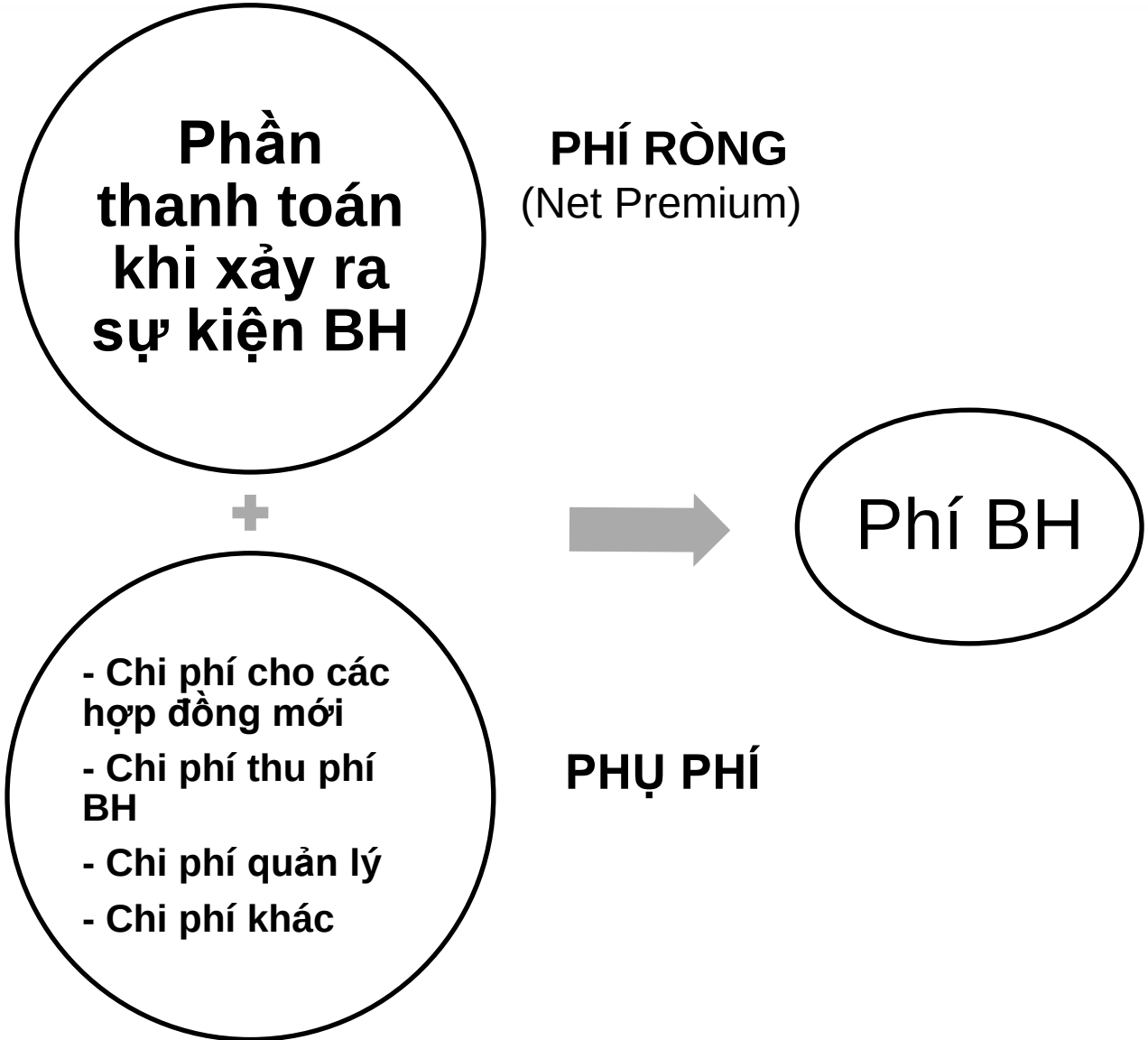

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Các yếu tố ảnh hưởng đến các bộ phận phí

- **Phí ròng**
  - Số tiền BH
  - Thời gian BH
  - Mức độ rủi ro

Các yếu tố đánh giá rủi ro: Độ tuổi, vóc dáng & tình trạng cơ thể, nghề nghiệp, Đạo đức & thói quen, Lịch sử cá nhân, lịch sử gia đình

Định lượng rủi ro: Phương pháp điểm số

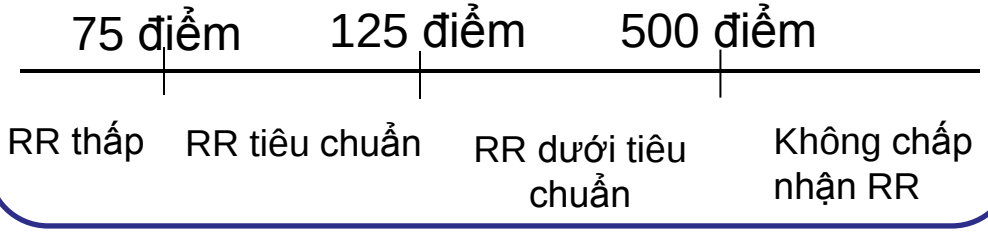

- **Phụ phí**
  - Chính sách kinh doanh của công ty BH
  - Môi trường vĩ mô

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí ròng

- **Các giả định được áp dụng khi tính phí ròng:**
  - Tỷ lệ tử vong được xác định
  - Cách tính tuổi phù hợp với tuổi của bảng tỷ lệ tử vong
  - Lãi suất tái đầu tư là xác định
  - Tiền BH tử vong trả vào cuối năm
  - Hợp đồng chấm dứt khi người được BH chết, hoặc mãn kỳ
- **Phân loại phí ròng theo phương thức đóng phí:**
  - Phí ròng đóng một lần (Net single Premium – NSP)
  - Phí ròng đóng định kỳ (Net Level Premium – NLP)

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí ròng - NSP

- **Ví dụ**: Tính phí ròng cho hợp đồng **BH tử kỳ 5 năm** với những thông tin sau đây:
  - Độ tuổi tham gia: 40 tuổi
  - Số lượng người tham gia: 10.000 người
  - Số tiền BH: 10 triệu đồng/người (thanh toán vào cuối mỗi năm xảy ra tử vong)
  - Lãi suất đầu tư dự kiến: 10%/năm
  - Phí BH được khách hàng đóng: 1 lần duy nhất

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí ròng - NSP

❖ **Một số ký hiệu dung trong các công thức:**

- **NSP:** Phí ròng đóng 1 lần
- **S:** số tiền BH thanh toán cho một hợp đồng
- L_k**:** số người sống vào đầu năm thứ k
- D_k: số người chết trong năm thứ k
- **n:** thời hạn BH
- **r:** lãi suất đầu tư dự kiến
- **A:** giá trị của một niên kim
- **t:** số năm trả chậm của niên kim

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí ròng - NSP

m: khoảng cách từ độ tuổi bắt đầu tham gia BH đến 99 tuổi

- **Bảo hiểm tử kỳ:**

$$NSP_{tử\ kỳ} = \frac{S}{L_1}\sum_{k=1}^{n}\frac{D_k}{(1+r)^k}$$

- **BHNT trọn đời:**

$$NSP_{trọn\ đời} = \frac{S}{L_1}\sum_{k=1}^{m}\frac{D_k}{(1+r)^k}$$

- **BH sinh kỳ thuần túy**

$$NSP_{Sinh\ kỳ\ thuần\ túy} = \frac{S}{L_1}.\frac{L_{n+1}}{(1+r)^n}$$

- **BHNT hỗn hợp**

$$NSP_{hỗn\ hợp} = NSP_{tử\ kỳ} + NSP_{Sinh\ kỳ\ thuần\ túy}$$

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí ròng - NSP

- **Niên kim nhân thọ trả cuối mỗi kỳ:**

$$NSP_{Niên\ kim\ cuối\ kỳ} = \frac{A}{L_1}\sum_{k=1}^{n}\frac{L_k}{(1+r)^k}$$

- **Niên kim nhân thọ trả đầu mỗi kỳ:**

$$NSP_{Niên\ kim\ đầu\ kỳ} = \frac{A}{L_1}\sum_{k=1}^{n}\frac{L_k}{(1+r)^{k-1}}$$

- **Niên kim trả chậm**

$$NSP_{Niên\ kim\ trả\ chậm} = \frac{A}{L_1}.\sum_{k=1}^{n}\frac{L_{k+t}}{(1+r)^{k+t}}$$

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí ròng - NLP

❖ **Các bước tính toán căn bản:**

- Gọi số phí định kỳ cần tính là NLP (triệu/người/năm)
- Xác định số phí BH cần phải đóng ở các năm. Lưu ý một số điểm sau:
  - Phí BH chỉ được đóng bởi những người còn sống
  - Phí BH được đóng ngay đầu mỗi kỳ
- Tính ổng hiện giá các khoản phí BH
- Xác định NLP, dựa trên nguyên tắc: Tổng hiện giá các khoản thanh toán = Tổng hiện giá các khoản phí BH

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí ròng - NSP

❖ **Mối quan hệ giữa NSP và NLP của hợp đồng tử kỳ:**

Nguyên tắc: **Tổng hiện giá các khoản phí BH định kỳ** = **Tổng hiện giá các khoản phải thanh toán**

$$\Leftrightarrow \sum_{k=1}^{n} \frac{NLP.L_k}{(1+r)^{k-1}} = \sum_{k=1}^{n} \frac{S.D_k}{(1+r)^k}$$

$$\Leftrightarrow \text{NLP} = \frac{NSP.L_1}{\sum_{k=1}^{n} \frac{L_k}{(1+r)^{k-1}}}$$

II.1. Tinh phí sản phẩm BHNT

Phí toàn phần

- **Công thức: Phí toàn phần = Phí ròng + Phụ phí**
- **TH1: BHNT thu phí một lần**
  - Phụ phí = Chi phí hợp đồng mới + Chi phí quản lý hợp đồng
- **TH2: BHNT thu phí nhiều lần**
  - Phụ phí = Chi phí hợp đồng mới + **Chi phí thu phí** + Chi phí quản lý hợp đồng

II.2. Tinh phí sản phẩm BHPNT

- **Công thức chung: P= f + d**
  - Trong đó:
    - **P:** phí toàn phần
    - **f:** phí thuần
    - **d:** phụ phí (thường được quy định bằng một tỷ lệ phần trăm trên phí toàn phần)
  - Xét công thức tính phí thuần (f) cho 3 trường hợp sau:
    - TH1: BH vật chất xe cơ giới
    - TH2: BHTNDS của chủ xe cơ giới với người thứ 3
    - TH3: BH tai nạn con người 24/24

II.2. Tinh phí sản phẩm BHPNT

Phí thuần BH vật chất xe cơ giới

- **Công thức:**

$$f = \frac{\sum_{i=1}^{n} S_i . T_i}{\sum_{i=1}^{n} C_i}$$

- Trong dó:
  - S_i: Số vụ tai nạn xảy ra trong năm thứ i
  - T_i: thiệt hại bình quân một vụ trong năm thứ i
  - C_i: số xe hoạt động thực tế trong năm thứ i
  - n: số năm thống kê số liệu để tính phí

II.2. Tinh phí sản phẩm BHPNT

Phí thuần BHTNDS của chủ xe cơ giơi với người thứ 3

❖ **Công thức:**

$$f = \frac{\sum_{i=1}^{n} S_i . T_i}{\sum_{i=1}^{n} C_i}$$

❖ Trong đó:

- S_i: Số vụ tai nạn có phát sinh TNDS của chủ xe xảy ra ở năm thứ i
- T_i: thiệt hại bình quân một vụ tai nạn phát sinh TNDS ở năm thứ i
- C_i: số xe tham gia BHTNDS ở năm thứ i
- n: số năm thống kê số liệu để tính phí

II.2. Tinh phí sản phẩm BHPNT

Phí thuần BH tai nạn con người 24/24

- **Công thức:**

$$f = \frac{\sum_{i=1}^{n} C_i + \sum_{i=1}^{n} T_i}{\sum_{i=1}^{n} L_i}$$

- Trong đó:
  - C_i: Số tiền chi trả cho người bị tai nạn & chết ở năm thứ i
  - T_i: số tiền chi trả cho những người bị tai nạn thương tật ở năm thứ i
  - L_i: số người tham gia BH tai nạn con người 24/24 năm i
  - n: số năm thống kê số liệu để tính phí

III. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

1. **Khái niệm dự phòng bảo hiểm**
2. **Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm**

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

- **Các phương pháp trích lập dự phòng:**
  - **Dự phòng nghiệp vụ BHPNT**:
    - Dự phòng phí chưa được hưởng
    - Dự phòng bồi thường
    - Dự phòng các dao động lớn về tổn thất
  - **Dự phòng nghiệp vụ BHNT:**
    - Dự phòng toán học
    - Dự phòng phí chưa được hưởng
    - Dự phòng bồi thường
    - Dự phòng chia lãi
    - Dự phòng đảm bảo cân đối

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHPNT **Dự phòng phí chưa được hưởng**

- **Phương pháp 1: trích lập theo tỷ lệ % của tổng phí BH**
  - **Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không:** bằng **25%** của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này
  - **Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác:** bằng **50%** của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc năm tài chính của các nghiệp vụ bảo hiểm này.

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHPNT | **Dự phòng phí chưa được hưởng**

- **Phương pháp 2: trích lập theo hệ số**
  - **Phương pháp 1/24:** Các khoản phí thu trong tháng giả thiết đều được tính vào ngày 15 của tháng. 15 so với 360 ngày trong năm là 1/24

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHPNT **Dự phòng phí chưa được hưởng**

❖ Phương pháp 3: trích lập theo từng ngày

- Phương pháp này có thể được áp dụng để tính dự phòng phí chưa được hưởng đối với hợp đồng bảo hiểm thuộc mọi thời hạn theo công thức tổng quát sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí BH giữ lại} \times \text{Số ngày BH còn lại của hợp đồng}}{\text{Tổng số ngày BH của hợp đồng}}$$

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHPNT

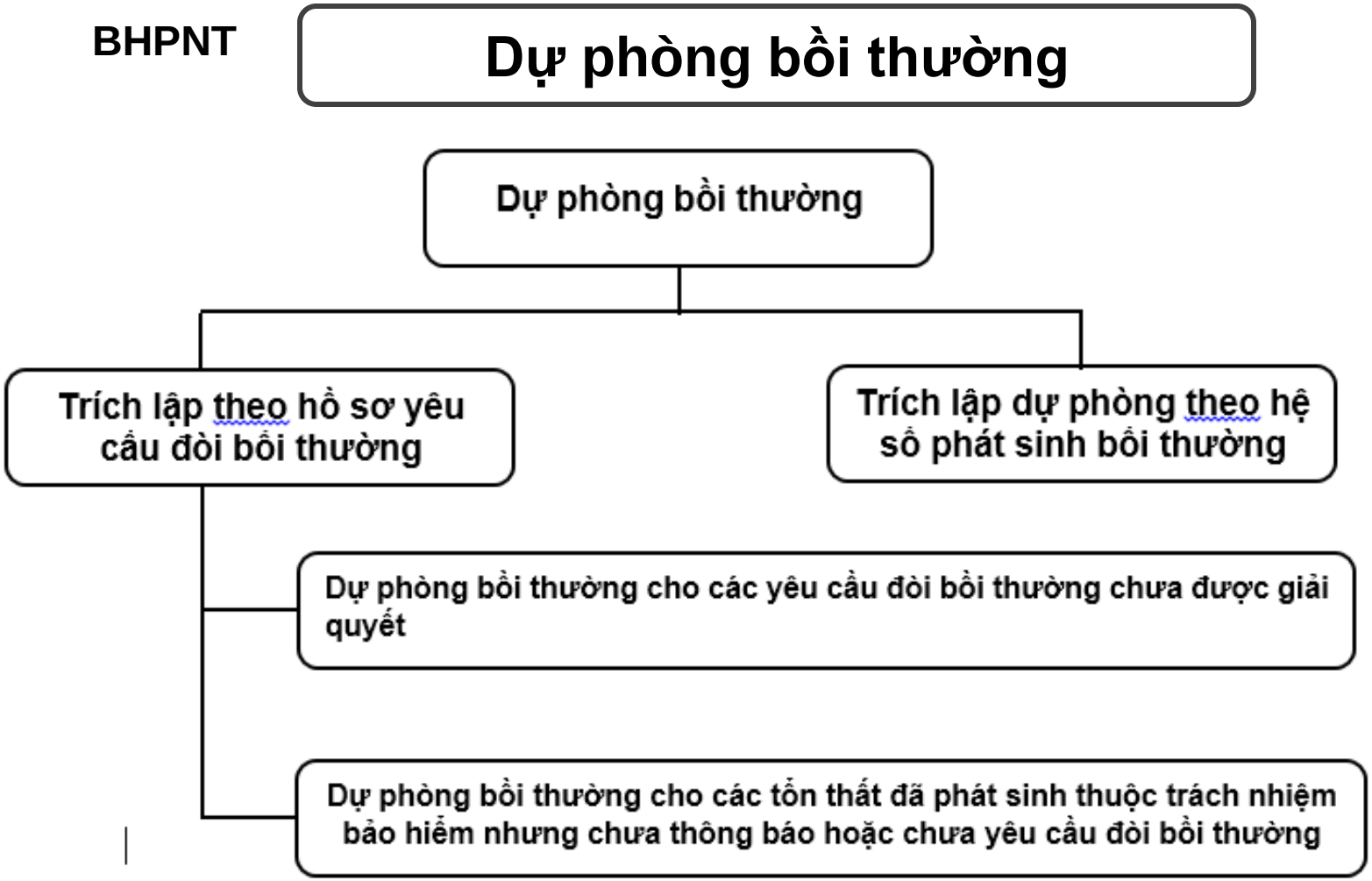

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHPNT | **Dự phòng phí cho các dao động lớn về tổn thất**

- Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm
- Mức trích lập hàng năm được áp dụng theo tỷ lệ từ 3% đến 5% phí thực giữ lại.

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHPNT

Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2013 – 2017

Dự phòng nghiệp vụ	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Dự phòng phí	7,794	8,963	10,758	12,637	13,320
Dự phòng bồi thường	3,389	3,220	3,583	4,329	5,072
Dự phòng dao động lớn	907	1,127	1,344	1,508	1,515
Tổng cộng	**12,090**	**13,310**	**15,685**	**18,474**	**19,907**

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHNT

Dự phòng toán học

- **Phương pháp tính dự phòng:**
  - **Phương pháp quá khứ:** Dự phòng phí = Giá trị tích lũy của phí ròng đã thu – Giá trị tích lũy của số tiền BH đã trả
  - **Phương pháp tương lai:** Dự phòng phí = Hiện giá của số tiền BH phải trả trong tương lai – Hiện giá của phí ròng sẽ thu trong tương lai
- **Lưu ý:**
  - Dự phòng toán học được coi là bằng 0 trong trường hợp tính theo phương pháp và cơ sở nêu trên cho ra kết quả là số âm.

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHNT

Dự phòng chia lãi

❖ **Nguyên tắc tính dự phòng:**

Dự phòng chia lãi = **Tổng lãi công bố chia cho chủ hợp đồng trong năm tài chính** + **Giá trị tích lũy của lãi đã công bố chia cho chủ hợp đồng trong các năm tài chính trước nhưng chưa chi trả**

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHNT

Dự phòng đảm bảo cân đối

- **Nguyên tắc tính dự phòng:**
  - Được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm
  - Mức trích lập hàng năm là 1% từ lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp bảo hiểm.

III.2. Các phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm

BHNT

Dự phòng nghiệp vụ giai đoạn 2016 – 2017

tỷ đồng

Dự phòng nghiệp vụ	Dự phòng nghiệp vụ trong năm		Tăng trưởng	Tổng dự phòng nghiệp vụ		Tăng trưởng
	2016	2017		2016	2017	
Dự phòng toán học	23,282	39,396	69%	112,402	151,798	35%
Dự phòng phí chưa được hưởng	252	212	-16%	1,010	1,222	21%
Dự phòng chia lãi	98	692	606%	13,513	14,205	5%
Dự phòng bồi thường	167	242	45%	868	1,109	28%
Dự phòng đảm bảo cân đối	38	26	-32%	255	281	10%
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	1	723	72200%	4	727	18075%
Tổng	**23,838**	**41,291**	**73%**	**128,052**	**169,342**	**32%**

CHƯƠNG 4

GIÁM ĐỊNH TỔN THẤT VÀ GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Nội dung Chương 4

I. Giám định tổn thất
II. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

I. Giám định tổn thất

1. Khái niệm giám định tổn thất
2. Yêu cầu đối với giám định tổn thất
3. Quy trình giám định tổn thất

I.1. Khái niệm giám định tổn thất

- **Giám định tổn thất** là nghiệp vụ doanh nghiệp BH xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất khi xảy ra sự kiện BH
- Chi phí giám định tổn thất do doanh nghiệp BH chịu
- Nếu các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể trung cầu giám định viên độc lập
- Nếu các bên không thống nhất việc trưng cầu giám định viên độc lập thì yêu cầu Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của người được BH chỉ định giám định viên độc lập.

I.2. Yêu cầu đối với giám định tổn thất

- Ghi nhận thiệt hại chính xác, kịp thời, khách quan, trung thực
- Đề xuất biện pháp bảo quản và phòng ngừa thiệt hại kịp thời, đúng quyền hạn
- Thông tin phải được cung cấp cho DNBH kịp thời.

I.3. Quy trình giám định tổn thất

❖ **Nghiệp vụ giám định tổn thất**:

Quy trình giám định tổn thất

Bước 1: Chuẩn bị giám đinh

Bước 2: Tiến hành giám định

Bước 3: Lập biên bản giám định

I.3. Quy trình giám định tổn thất

❖ **Nghiệp vụ giám định tổn thất**:

Bước 1: Chuẩn bị giám định

- **Giấy tờ cần thiết:**

- Đơn bảo hiểm/ Giấy yêu cầu bảo hiểm
- Bảng kê chi tiết các loại tài sản được bảo hiểm
- Giấy ra viện/ Hóa đơn chứng từ sửa chữa, thay thế,..

- **Hiện trường giám định:**

- Thống nhất thời gian, địa điểm giám định
- Mời các bên có liên quan: công an, chính quyền, bác sĩ, nhà chuyên môn,…

I.3. Quy trình giám định tổn thất

❖ **Nghiệp vụ giám định tổn thất**:

Bước 3: Lập biên bản giám định

- Biên bản giám định là cơ sở để xét duyệt bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm và khiếu nại người thứ ba,
- Thông thường được lập tại hiện trường và có chữ ký của các bên liên quan,…
- Biên bản chỉ cấp cho người có yêu cầu giám định, không tiết lộ khi chưa có yêu cầu của DNBH

II. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

1. **Thời hạn giải quyết quyền lợi bảo hiểm**
2. **Giải quyết quyền lợi bảo hiểm phi nhân thọ**
3. **Giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhân thọ**

II.1. Thời hạn giải quyết quyền lợi bảo hiểm

- **Giải quyết quyền lợi bảo hiểm:** là khâu cuối cùng trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ bảo hiểm
- **Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường:** theo hợp đồng bảo hiểm là một năm, kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm
- **Thời hạn trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường:** trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ hoặc bồi thường theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ **Nghiệp vụ bồi thường:**

Quy trình bồi thường

Bước 1: Mở hồ sơ khách hàng

Bước 2: Xác định số tiền

Bước 3: Thông báo bồi thường, chi trả

Bước 4: Truy đòi

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ **Nghiệp vụ bồi thường:**

Bước 1: Mở hồ sơ khách hàng

- Được tiến hành sau khi đã có Biên bản giám định tổn thất
- Kiểm tra, đối chiếu thông tin với Bản kê khai tổn thất
- Thông báo đến khách hàng để hoàn thiện hồ sơ bồi thường (nếu cần)

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ Nghiệp vụ bồi thường:

Bước 2: Xác định số tiền

- Được tiến hành sau khi đã có Hồ sơ bồi thường của KH,
- Tính toán số tiền bồi thường trên cơ sở:
  - Biên bản giám định tổn thất và Bản kê khai tổn thất,
  - Điều khoản, điều kiện của hợp đồng (số tiền bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, các chế độ đảm bảo bảo hiểm,..)
  - Bảng theo dõi số phí bảo hiểm đã nộp, số tiền vay trên HD,
  - Thực tế chi trả của bên thứ 3 (nếu có),…

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ **Nghiệp vụ bồi thường:**

Bước 2: Xác định số tiền

- **Các chế độ bảo hiểm:**

1)Miễn thường

2)Bồi thường theo tỷ lệ

3)Trả tiền theo rủi ro ban đầu

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ Nghiệp vụ bồi thường:

Bước 2: Xác định số tiền

1. Miễn Thường:

- **Có 2 cách tính khấu trừ cho miễn thường có khấu trừ:**
  - **Khấu trừ đường thẳng:** Khấu trừ trực tiếp 1 số tiền xác định trên giá trị thiệt hại của từng vụ tổn thất riêng biệt
  - **Khấu trừ gộp:** khấu trừ theo 1 hạn mức tối đa được tính chung cho các tổn thất cùng xảy ra trong 1 thời gian nhất định.

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ Nghiệp vụ bồi thường:

Bước 2: Xác định số tiền

2. Bồi thường theo tỷ lệ:

- Bồi thường cho tổn thất theo tỷ lệ giữa số tiền BH và giá trị tài sản BH. Áp dụng cho trường hợp BH dưới giá và BH trùng

3. Trả tiền theo rủi ro ban đầu:

- Việc chi trả BH được căn cứ vào số tiền BH mà 2 bên đã thỏa thuận lúc giao kết hợp đồng BH, nhà BH không chi trả dựa vào tổn thất thực tế phát sinh.

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ Nghiệp vụ bồi thường:

Bước 3: Thông báo bồi thường, chi trả

TH1: Đối với bảo hiểm con người

- **Căn cứ trả tiền BH:** thương tật thực tế của người được BH (BH tai nạn), chi phí khám chữa bệnh và phục hồi sức khỏe của người được BH (BH sức khỏe), và thỏa thuận trong hợp đồng BH
- **Các trường hợp không trả tiền BH**: người được BH chết do:
  - Tự tử
  - Lỗi cố ý của bên mua BH hay của người thụ hưởng
  - Bị thi hành án tử hình

II.2. Giải quyết quyền lợi BHPNT

❖ **Nghiệp vụ bồi thường:**

Bước 4: Truy đòi

- Doanh nghiệp BH truy đòi người thứ 3 trong trường hợp: liên đới chịu trách nhiệm với các nhà bảo hiểm khác trên thị trường tái bảo hiểm
- Đòi hỏi nhanh chóng và kịp thời

II.3. Giải quyết quyền lợi BHNT

- Việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhân thọ bao gồm các biện pháp xử lý cụ thể như sau:
  - **Hoàn lại phí**
  - **Thanh toán giá trị giải ước**
  - **Cho vay phí tự động**
  - **Duy trì số tiền bảo hiểm giảm**
  - **Thanh toán số tiền bảo hiểm**

II.3. Giải quyết quyền lợi BHNT

Hoàn lại phí:

- **Biện pháp này sử dụng trong các trường hợp:**
  - Khi khách hàng muốn hủy bỏ cam kết, hoặc
  - Khi xảy ra các biến cố rủi ro loại trừ và thời hạn hiệu của hợp đồng chưa đủ để nhận giá trị giải ước
- **Theo biện pháp này:** Tỷ lệ phí bảo hiểm được hoàn trả có thể từ 30%-100% tùy theo từng trường hợp cụ thể

II.3. Giải quyết quyền lợi BHNT

Thanh toán giá trị giải ước:

- **Giá trị giải ước của hợp đồng bảo hiểm** là số tiền xác định được trả lại cho người nắm giữa hợp đồng vào thời điểm hợp đồng bị hủy bỏ.
- **Biện pháp này áp dụng trong trường hợp**: Khách hàng hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn
- **Theo biện pháp này:**
  - Chỉ có những hợp đồng mà trong đó việc hoàn traer là điều chắc chắn mới được chấp nhận giải ước
  - Thời điểm giải ước thông thường là hai năm sau khi phát hành hợp đồng

II.3. Giải quyết quyền lợi BHNT

Thanh toán giá trị giải ước:

- **Cách tính giá trị giải ước:** theo phương pháp đi từ tích lũy (Accumulation Aprroach)

GTGƯ = GTDT cuối năm – CPGƯ

Trong đó:

- **GTDT cuối năm =** GTDT đầu năm + Phí thu được trong năm + Lãi đầu tư trong năm – (Chi phí BH + Chi phí hoạt động)
- **CPGƯ =** tỷ lệ % trên GTDT cuối năm

II.3. Giải quyết quyền lợi BHNT

Cho vay phí tự động:

- **Biện pháp này áp dụng trong trường hợp:**
  - Khách hàng không có đủ khả năng đóng phí đúng hạn do gặp khó khan tạm thời về tài chính và,
  - Thời hạn hiệu lực của hợp đồng kể từ khi phát hành phải đủ quy định (thông thường từ 2 năm trở lên)
- **Theo biện pháp này:**
  - Giá trị giải ước không được trả trực tiếp cho khách hàng mà được sử dụng để thanh toán các khoản phí tương lai của hợp đồng
  - Mỗi khoản phí sẽ được nhà bảo hiểm tự động cho vay khi đến hạn.

II.3. Giải quyết quyền lợi BHNT

Duy trì số tiền bảo hiểm giảm:

- **Biện pháp này áp dụng trong trường hợp:**
  - Khách hàng không có đủ khả năng tiếp tục đóng phí nhưng vẫn muốn duy trì hợp đồng cho đến khi đáo hạn.
- **Theo biện pháp này:**
  - Số tiền bảo hiểm giảm được tính toán theo định kỳ hàng năm, căn cứ vào giá trị dự trữ của hợp đồng.
  - Giá trị dự trữ của hợp đồng tại thời điểm ngưng đóng phí vẫn được duy trì và tiếp tục tích lũy cho đến khi kết thúc hợp đồng.

II.3. Giải quyết quyền lợi BHNT

Thanh toán số tiền bảo hiểm:

- **Biện pháp này áp dụng trong trường hợp:** xảy ra sự kiện được bảo hiểm.
- **Theo biện pháp này:**
  - Khách hàng sẽ thực hiện hành vi yêu cầu thanh toán số tiền bảo hiểm.
  - Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng, việc thanh toán tiền bảo hiểm có thể được thực hiện một lần hoặc được trả dần thành nhiều đợt theo nhu cầu sử dụng của khách hàng.

CHƯƠNG 5

KHAI THÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM VÀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Nội dung Chương 2

I. Hoạt động trung gian bảo hiểm

II. Hoạt động marketing bảo hiểm

III. Hoạt động đầu tư bảo hiểm

IV. Hợp đồng bảo hiểm

I. Hoạt động trung gian bảo hiểm

1. Khái niệm trung gian bảo hiểm

2. Các loại hình trung gian bảo hiểm

I.1. Khái niệm trung gian bảo hiểm

❖ **Khái niệm trung gian bảo hiểm**

- Trung gian bảo hiểm là các chủ thể đóng vai trò cầu nối để đưa sản phẩm dịch vụ từ người cung cấp/người bán tới tay người tiêu dùng.

I.1. Khái niệm trung gian bảo hiểm

❖ Các loại trung gian bảo hiểm

- **Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm:** là doanh nghiệp thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan
- **Đại lý bảo hiểm:** là tổ chức, cá nhân được DNBH ủy quyền để được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

II. Hoạt động marketing bảo hiểm

1. **Hoạt động marketing bảo hiểm**
2. **Quy đình marketing bảo hiểm**

II.1. Hoạt động marketing bảo hiểm

❖ Hoạt động marketing bảo hiểm

II.1. Hoạt động marketing bảo hiểm

❖ **Quy trình marketing b**

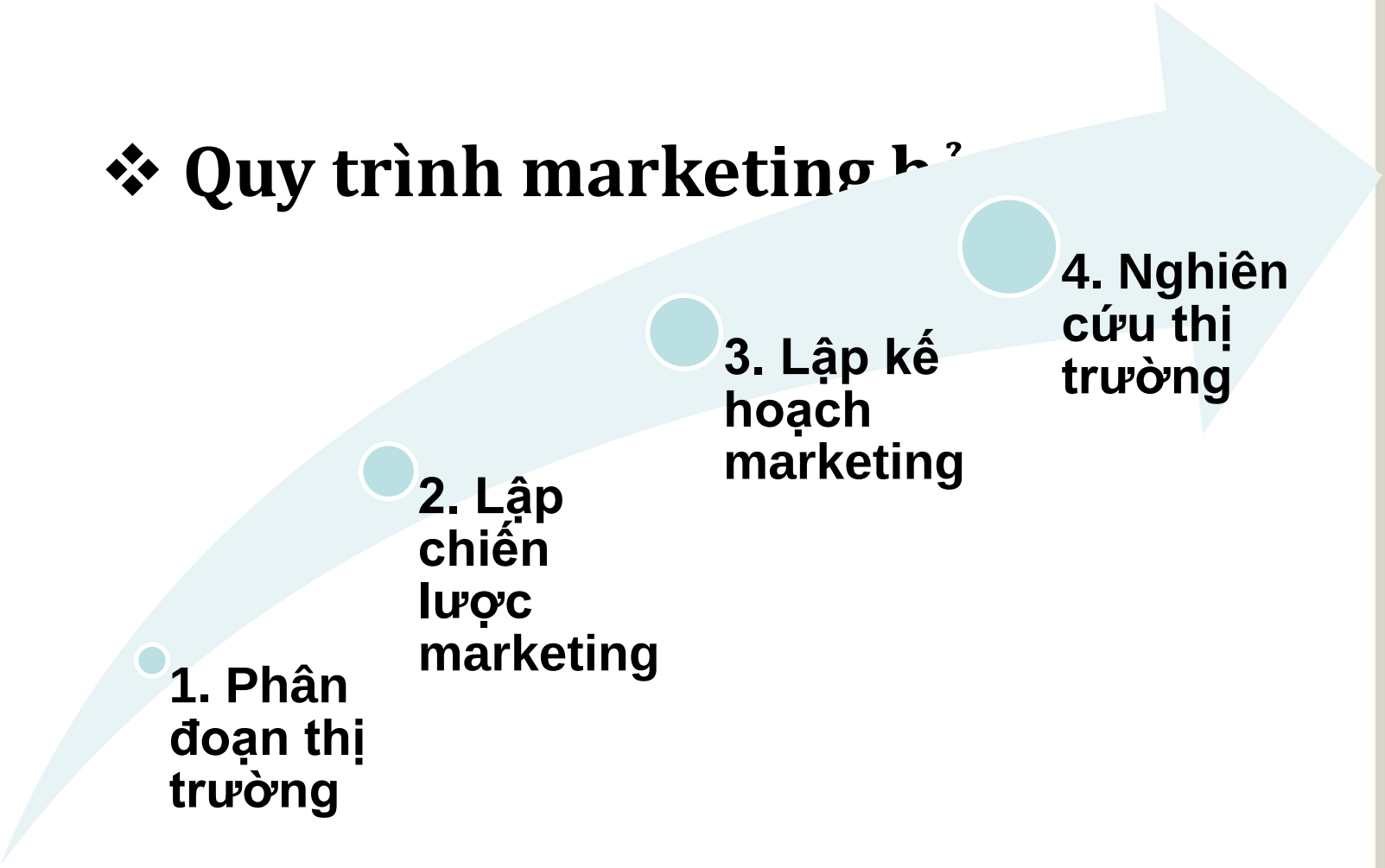

II.2. Quy trình marketing bảo hiểm

1. Phân đoạn thị trường:

- Phân đoạn thị trường là xem xét thị trường như được hình thành bởi các nhóm những người tiêu dùng có chung đặc điểm.
- 4 tiêu chuẩn để phân đoạn thị trường:
  - Sự giống nhau
  - Quy mô
  - Có thể đo lường được
  - Có thể tiếp cận được

II.2. Quy trình marketing bảo hiểm

2. Lập chiến lược marketing:

- Chiến lược marketing đưa ra một cái nhìn tổng quát quy định các mục tiêu marketing, bao gồm hai phần chính: các mục tiêu và phương pháp cần được sử dụng để đạt các mục tiêu này.
- Việc lập một chiến lược marketing hợp lý và thực tế góp phần rất lớn vào thành công của cả quy trình marketing.

II.2. Quy trình marketing bảo hiểm

3. Lập kế hoạch marketing:

- Kế hoạch marketing phải bao gồm những điểm sau:
  - Một bản tóm tắt các mục tiêu chính và thứ tự ưu tiên.
  - Các mục tiêu marketing tổng thể
  - Trong mỗi phân đoạn thị trường, cần trình bày rõ:
    - ✓ Chương trình khuyến mãi
    - ✓ Các mục tiêu về số lượng, thị phần
    - ✓ Hoạt động trực tiếp cần có để đạt được các mục tiêu
    - ✓ Việc sử dụng các trung gian

II.2. Quy trình marketing bảo hiểm

3. Lập kế hoạch marketing:

- Sau khi xây dựng kế hoạch thị trường, bước tiếp theo là giao tiếp với khách hàng:
  - Truyền thông bên ngoài
  - Truyền thông nội bộ công ty

II.2. Quy trình marketing bảo hiểm

4. Nghiên cứu thị trường:

- Nghiên cứu thị trường có thể được sử dụng để thống kê các số liệu sau đây:
  - Mức độ nhận thức công ty và các dịch vụ
  - Số lượng người hiểu những vấn đề mà công ty muốn truyền đạt
  - Số lượng người tin tưởng vào công ty và các dịch vụ
  - Số lượng người mong muốn có được sản phẩm dịch vụ của công ty.

III. Hoạt động đầu tư bảo hiểm

1. **Yêu cầu và nguồn vốn đầu tư**
2. **Các lĩnh vực đầu tư**

III.1. Yêu cầu và nguồn vốn đầu tư

❖ **Yêu cầu đối với hoạt động đầu tư:**

- Việc đầu tư vốn của doanh nghiệp BH phải đảm bảo an toàn, hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu chi trả thường xuyên cho các cam kết theo hợp đồng BH.

❖ **Nguồn vốn đầu tư**

1) Vốn chủ sở hữu
2) Vốn nhàn rỗi dự phòng nghiệp vụ
3) Vốn hợp pháp khác

III.1. Yêu cầu và nguồn vốn đầu tư

❖ **Nguồn vốn đầu tư**

1). Vốn chủ sở hữu bao gồm:

- ✓ Số tiền góp vốn của các nhà đầu tư
- ✓ Lợi nhuận chưa phân phối
- ✓ Chênh lệch đánh giá lại tài sản

III.1. Yêu cầu và nguồn vốn đầu tư

❖ **Nguồn vốn đầu tư**

2). Vốn nhàn rỗi dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

BH phi nhân thọ

- Dự phòng phí chưa được hưởng
- Dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết

Bảo hiểm nhân thọ

- Dự phòng toán học
- Dự phòng phí chưa được hưởng
- Dự phòng bồi thường
- Dự phòng chia lãi
- Dự phòng đảm bảo cân đối

III.1. Yêu cầu và nguồn vốn đầu tư

❖ **Nguồn vốn đầu tư**

3). Vốn hợp pháp khác bao gồm:

- Nhượng bán thanh lý tài sản cố định
- Nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được

III.1. Yêu cầu và nguồn vốn đầu tư

❖ Các lĩnh vực đầu tư

Lĩnh vực đầu tư	Mức giới hạn đầu tư	
	BHNT	BHPNT
▪ Trái phiếu chính phủ ▪ Trái phiếu DN có bảo lãnh ▪ Gửi tiền tại các TCTD	Không hạn chế	
▪ Cổ phiếu, trái phiếu DN không có bảo lãnh ▪ Góp vốn vào các DN khác	50% vốn nhàn rỗi từ DPNV	35% vốn nhàn rỗi từ DPNV
▪ Kinh doanh bất động sản ▪ Cho vay	40% vốn nhàn rỗi từ DPNV	20% vốn nhàn rỗi từ DPNV

IV. Hợp đồng bảo hiểm

1. **Tổng quan về HĐBH**
2. **Cơ sở pháp lý của HĐBH**
3. **Đặc trưng của HĐBH**
4. **Nội dung cơ bản của HĐBH**
5. **Các giai đoạn thực hiện HĐBH**

IV.1. Tổng quan về HĐBH

- **Khái niệm:** HĐBH là sự thỏa thuận giữa người mua bảo hiểm và người bảo hiểm; theo đó, người mua bảo hiểm phải đóng phí, người bảo hiểm phải trả tiền cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- **Các bên tham gia vào HĐBH:**
  - Người mua BH (The Policy – holder)
  - Người BH (The Insurer)
  - Người được BH (The Insured)
  - Người thụ hưởng (The Benificiary)

IV.1. Tổng quan về HĐBH

❖ **Nguyên tắc ký kết HĐBH:**

- Người tham gia ký kết phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Việc ký kết hợp đồng phải trên cơ sở tự do thỏa thuận.
- Mục đích, nội dung ký kết phải hợp pháp.
- Hình thức của HĐBH phải phù hợp với quy định của pháp luật.

IV.1. Tổng quan về HĐBH

❖ **Quy tắc cơ bản xây dựng HĐBH**

1. Quyền lợi được bảo hiểm (Unsurable Interest)
2. Thông tin trung thực tuyệt đối (Utmost good faith)
3. Rủi ro được bảo hiểm và rủi ro loại trừ

IV.1. Tổng quan về HĐBH

1. Quyền lợi được bảo hiểm (Unsurable Interest):

- Bao gồm quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản, quyền/ nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng,...được xác định từ mối quan hệ giữa người tham gia bảo hiểm và đối tượng được bảo hiểm.
- Trong bảo hiểm tài sản, quyền lợi bảo hiểm phải xảy ra vào lúc xảy ra tổn thất.
- Trong bảo hiểm nhân thọ, quyền lợi được bảo hiểm phải tồn tại ngay khi hợp đồng phát hành.

IV.1. Tổng quan về HĐBH

2. Thông tin trung thực tuyệt đối:

- Người bảo hiểm phải cung cấp đầy đủ thông tin, giải thích các điều kiện, điều khoản của HĐBH cho người mua BH
- Người mua bảo hiểm phải cung cấp đầy đủ và trung thực những thông tin có liên quan đến đối tượng được bảo hiểm (kể cả những khuyết tậ).
- Đây là một trong những quy tắc thiết yếu của giao dịch bảo hiểm

IV.1. Tổng quan về HĐBH

3. Rủi ro được bảo hiểm và rủi ro loại trừ:

- Rủi ro loại trừ là những biến cố có thể mang lại tổn thất cho người được bảo hiểm, nhưng nhà bảo hiểm không có trách nhiệm phải trả toàn bộ tiền bảo hiểm.
- Ngoài những rủi ro loại trừ thì mọi rủi ro khác được coi là rủi ro được bảo hiểm.
- Cần phải xác định rõ mối quan hệ và trình tự diễn ra các biến cố để nhà bảo hiểm có quyền từ chối trách nhiệm bồi thường hay không.

IV.1. Tổng quan về HĐBH

- **Phân loại HĐBH**
  1. **HĐBH nhân thọ** (Life insurance contract)
  2. **HĐBH phi nhân thọ** (Non life insurance contract)

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH nhân thọ (Life insurance contract)

❖ **Ý nghĩa của hợp đồng:**

- Duy trì sự ổn định chắc chắn về tài chính, tạo điều kiện thực hiện các kế hoạch ngân quỹ trong tương lai.
- Được coi là chứng từ có giá, có thể dễ dàng chuyển nhượng trên thị trường.

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH nhân thọ (Life insurance contract)

- **Quan hệ giữa người tham gia bảo hiểm và đối tượng được bảo hiểm:**
  - Người được bảo hiểm là người có tính mạng được bảo hiểm và tiền bảo hiểm sẽ được chi trả trong trường hợp người này tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn.
  - Quan hệ giữa người tham gia bảo hiểm và người được bảo hiểm có 2 dạng sau đây:
    - ✓ Quyền lợi được bảo hiểm hình thành trên tính mạng của bản thân (insurable interest in own life)
    - ✓ Quyền lợi được bảo hiểm hình thành trên tính mạng của người khác (insurable interest on other's life)

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH nhân thọ (Life insurance contract)

- **Biến cố rủi ro:** Tồn tại và tử vong
- **Thời gian bảo hiểm:** thông thường là trung và dài hạn
- **Chuyển nhượng hợp đồng:** được chuyển nhượng tự do
- **Phí bảo hiểm:**
  - Là số tiền mà người tham gia bảo hiểm có nghĩa vụ phải đóng cho nhà bảo hiểm để được nhận cam kết chi trả tiền bảo hiểm.
    - Phí đóng một lần (Single Premium)
    - Phí đóng định kỳ (Level Premium)

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH nhân thọ (Life insurance contract)

- **BH BHNT trọn đời** (Whole life insurance contract)
- **HĐ BHNT có thời hạn** (Term insurance contract)
- **HĐBH sinh kỳ thuần túy** (Pure Endowment insurance policy)
- **HĐ BHNT hỗn hợp** (Endowment policy)
- **Niên kim** (annuities)

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH phi nhân thọ (Non - life insurance contract)

- **Ý nghĩa của hợp đồng:**
  - Đơn thuần là một công cụ bảo vệ người được bảo hiểm trước những thiệt hại nếu rủi ro xảy ra.
- **Đối tượng được bảo hiểm:**
  - Đa dạng: tài sản, trách nhiệm dân sự, sức khỏe, thẩn thể con người,...
  - Đối tượng được bảo hiểm có thể được sửa chữa, thay thế và duy trì trạng thái tốt => sự kiện bảo hiểm có thể không xuất hiện.

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH phi nhân thọ (Non - life insurance contract)

- **Thời gian bảo hiểm:**
- Thường ngắn hơn so với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
- **Tính chất chuyển nhượng:**
- Không có giá trị thị trường, không thể chuyển nhượng hay cầm cố tại ngân hàng.
- **Phí bảo hiểm:**
- Phí thường đóng một lần khi ký hợp đồng và sau đó có thể được tái tục hàng năm.

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH phi nhân thọ (Non - life insurance contract)

1. HĐBH tài sản:

- Tài sản được bảo hiểm: tài sản thực, tiền và các loại giấy tờ có giá, các quyền về tài sản
- Căn cứ để xác định số tiền bảo hiểm là giá trị thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.
- Có các hình thức bảo hiểm tài sản như sau:
  - Bảo hiểm trên giá trị: số tiền bảo hiểm trong hợp đồng cao hơn giá trị thị trường của tài sản tại thời điểm ký hợp đồng
  - Bảo hiểm dưới giá trị: số tiền bảo hiểm trong hợp đồng thấp hơn giá trị thị trường của tài sản tại thời điểm ký hợp đồng
  - Bảo hiểm trùng: bên mua bảo hiểm giao kết HĐBH với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm.

IV.1. Tổng quan về HĐBH

HĐBH phi nhân thọ (Non - life insurance contract)

2. HĐBH trách nhiệm dân sự:

- Đối tượng được bảo hiểm là trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm đối với bên thứ ba theo quy định của pháp luật.
- **HĐBH trách nhiệm dân sự có 02 loại**
  - **Bảo hiểm trách nhiệm theo hợp đồng:**
  - ✓ Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
  - ✓ Bảo hiểm trách nhiệm sản phẩm
  - ✓ Bảo hiểm trách nhiệm của người vận chuyển hàng không đối với khách
  - **Bảo hiểm trách nhiệm ngoài hợp đồng:**
  - ✓ Bảo hiểm trách nhiệm chung/công cộng
  - ✓ Bảo hiểm trách nhiệm của chủ xe cơ giới

IV.1. Tổng quan về HĐBH

<u>HĐBH phi nhân thọ</u> (Non - life insurance contract)

3. HĐBH con người phi nhân thọ:

- Đối tượng được bảo hiểm là thân thể và sức khỏe của con người
- HĐBH con người phi nhân thọ có các dạng sau:
  - BH tai nạn con người 24/24
  - BH tai nạn hành khách
  - BH trợ cấp nằm viện và phẫu thuật
  - BH học sinh

IV.2. Cơ sở pháp lý của HĐBH

Luật kinh doanh bảo hiểm (năm 2000)

- **Số hiệu:**
  - Số 24/2000/QH10, có hiệu lực từ ngày 01/04/2001;
- Điều khoản:
  - Bao gồm 9 chương, 129 điều
  - Chương II: Hợp đồng bảo hiểm
- Phạm vi điều chỉnh
  - Không áp dụng đối với BHXH, BHYT, BH tiền gửi và các loại BH khác do nhà nước thực hiện không mang tính kinh doanh

IV.2. Cơ sở pháp lý của HĐBH

Các văn bản hướng dẫn thực hiện luật kinh doanh bảo hiểm (năm 2000)

- Nghị định 45/2007/NĐ-CP
- Nghị định 46/2007/NĐ-CP
- Nghị định 41/2009/NĐ-CP
- Nghị định 103/2008/NĐ-CP
- Thông tư 155/2007/TT-BTC (hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định 45/2007/NĐ-CP)
- Thông tư 156/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007 (Hướng dẫn thực hiện nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007)
- Thông tư 86/2009/TT-BTC
- Thông tư 126/2008/TT-BTC

IV.2. Cơ sở pháp lý của HĐBH

Bộ luật dân sự (năm 2005)

- **Điều khoản:**
  - Chương XVII, mục 11, từ Điều 567 đến Điều 580 quy định về hợp đồng bảo hiểm
- **Thứ tự ưu tiên:**
  - Sau luật Kinh doanh bảo hiểm

IV.2. Cơ sở pháp lý của HĐBH

Bộ luật Hàng hải (năm 2005)

- **Điều khoản:**
  - Chương XVI, từ Điều 224 đến Điều 257 quy định về hợp đồng bảo hiểm hàng hải
- **Thứ tự ưu tiên:**
  - Trước Luật Kinh doanh bảo hiểm

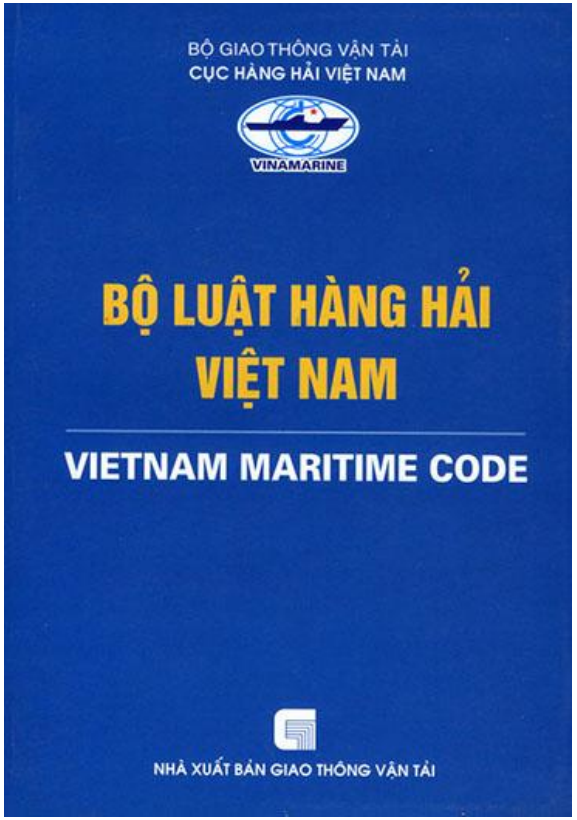

IV.2. Cơ sở pháp lý của HĐBH

- **BHTNDS của chủ xe cơ giới:**
  - Nghị định 115/1998/NĐ-CP
  - Quyết định số 23/2007/QĐ – BTC ngày 09/04/2007 của Bộ tài chính
- **Bảo hiểm cháy nổ:**
  - Luật số 27/2001/QH10 của Quốc hội về phòng cháy và chữa cháy
  - Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006
  - Quyết định số 28/2007/QĐ-BTC ngày 24/04/2007
- **BHTNDS của người kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa dễ cháy nổ trên đường thủy nội địa:**
  - Nghị định số 125/2005/NĐ-CP ngày 01/10/2005
- **BH bồi thường cho người lao động trong lĩnh vực xây dựng, lắp đặt:**
  - Quyết định số 14/2004/QĐ-BTC ngày 16/01/2004

IV.3. Đặc trưng của HĐBH

❖ **HĐBH là hợp đồng song vụ:**

- Nhà bảo hiểm và người tham gia bảo hiểm đều có quyền lợi và nghĩa vụ đối với nhau
- Quyền lợi của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại

IV.3. Đặc trưng của HĐBH

Điều kiện tiên quyết của HĐ

- Toàn bộ HĐ sẽ trở nên vô hiệu nếu những điều kiện này không được tuân thủ
- VD: Điều kiện "Trung thực tối đa" (Ulmost good faith)

Điều kiện sau hợp đồng

- HĐ sẽ bị đình chỉ và giao kết HĐ chấm dứt ngay sau đó nếu những điều kiện này không được thực hiện
- VD: Điều kiện "Đóng phí đầy đủ và đúng hạn"

Điều kiện tiên quyết cho việc thanh toán bảo hiểm

- Nếu những điều kiện này không được thực hiện, nhà bảo hiểm sẽ được giải phóng khỏi trách nhiệm hoàn trả.

IV.3. Đặc trưng của HĐBH

❖ **HĐBH là có tính chất may rủi:**

- HĐBH có tính chất bấp bênh vì sự kiện làm phát sinh việc chi trả tiền bảo hiểm có tính chất không chắc chắn (về thời điểm phát sinh lẫn giá trị tổn thất)
- HĐBH dựa trên sự trao đổi không ngang giá giữa hai bên trong hợp đồng

IV.3. Đặc trưng của HĐBH

❖ **HĐBH là có tính chất gia nhập:**

- Những điều khoản của HĐBH không được hình thành từ sự thương lượng mà đây là một hợp đồng theo mẫu.
- Người tham gia BH chỉ có quyền từ chối hoặc chấp nhận toàn bộ, chứ không có quyền thương lượng, đưa thêm hay xóa bỏ để làm thay đổi nội dung cho phù hợp với bản thân họ.
- Nếu nội dung hợp đồng đưa ra có những điểm không rõ ràng thì nhà BH phải chịu bất lợi khi giải thích những điều khoản đó.

IV.4. Nội dung cơ bản của HĐBH

1. Tên, địa chỉ của các bên có liên quan đến hợp đồng BH
2. Đối tượng Bh
3. Giá trị BH, số tiền BH
4. Phạm vi BH, điều kiện BH, điều khoản BH
5. Điều khoản loại trừ trách nhiệm BH
6. Thời hạn BH
7. Mức phihs BH, phương thức đóng phí BH
8. Thời hạn, phương thức trả tiền BH hoặc bồi thường
9. Các quy định giải quyết tranh chấp
10. Ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng.

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

- **Giao kết HĐBH**
- **Thực hiện HĐBH**
- **Chấm dứt HĐBH**

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

1. Giao kết HĐBH

i. Xác định các chủ thể có liên quan:

- Người bảo hiểm: là người cam kết trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường khi có các sự kiện bảo hiểm xảy ra
- Người mua bảo hiểm: là người đứng ra giao kết hợp đồng và phải trả phí bảo hiểm
- Đối tượng được bảo hiểm: là người có tính mạng hay tài sản, trách nhiệm dân sự bị đe dọa bởi rủi ro và được bảo đảm bởi nhà bảo hiểm
- Người được hưởng quyền lợi bảo hiểm: là người hưởng tiền bảo hiểm trả hay bồi thường trong trường hợp có sự kiện bảo hiểm xảy ra

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

1. Giao kết HĐBH

ii. Xác định quyền lợi được bảo hiểm:

- Một người có quyền lợi được bảo hiểm đối với một đối tượng nào đó khi thiệt hại của đối tượng này gây ra thiệt hại về mặt tài chính cho họ
- Quyền lợi được bảo hiểm rất đa dạng, có thể đối với tài sản, trách nhiệm hay con người
- Nhà bảo hiểm cần phải kiểm tra xem giữa người mua bảo hiểm và đối tượng được bảo hiểm có thật sự tồn tại quyền lợi được bảo hiểm hay không.

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

1. Giao kết HĐBH

iii. Khai báo rủi ro:

- Người mua bảo hiểm khai báo rủi ro và những thông tin cần thiết có liên quan cho nhà bảo hiểm theo một phiếu in sẵn
- Đòi hỏi tính trung thực chính xác, bởi vì trên cơ sở những thông tin này mới đánh giá được rủi ro và xác định mức phí bảo hiểm phù hợp

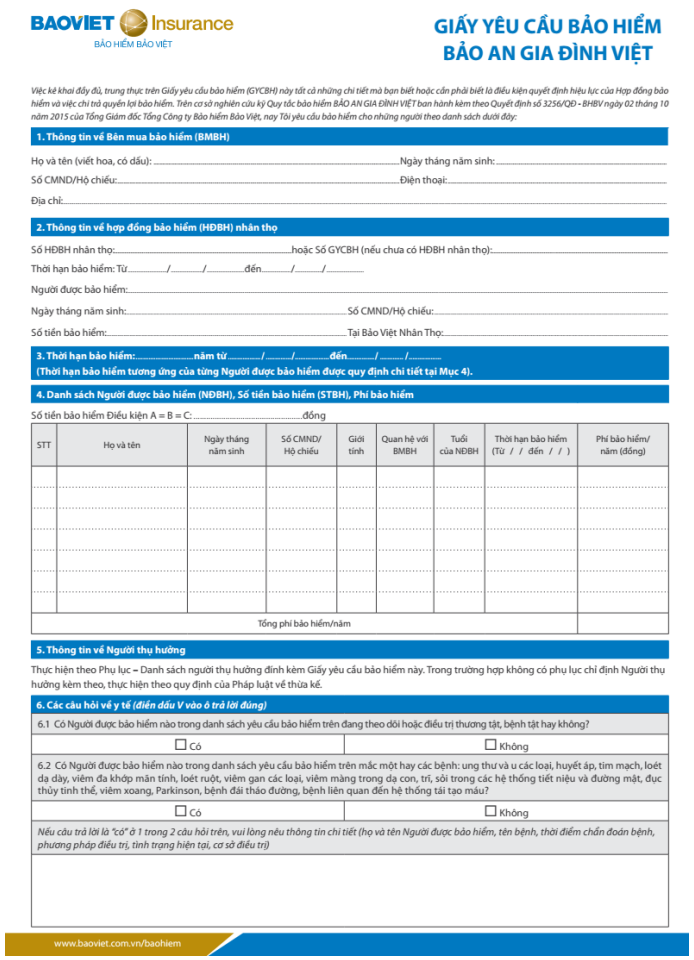

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM
BẢO AN GIA ĐÌNH VIỆT

Việc kê khai đầy đủ, trung thực trên Giấy yêu cầu bảo hiểm (GYCBH) này tất cả những chi tiết mà bạn biết hoặc cần phải biết là điều kiện quyết định hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm và việc chi trả quyền lợi bảo hiểm. Trên cơ sở nghiên cứu kỳ Quy tắc bảo hiểm BẢO AN GIA ĐÌNH VIỆT ban hành kèm theo Quyết định số 3256/QĐ - BHBV ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, nay Tôi yêu cầu bảo hiểm cho những người theo danh sách dưới đây:

1. Thông tin về Bên mua bảo hiểm (BMBH)

Họ và tên (viết hoa, có dấu): ..... Ngày tháng năm sinh: .....
Số CMND/Hộ chiếu: ..... Điện thoại: .....
Địa chỉ: .....

2. Thông tin về hợp đồng bảo hiểm (HĐBH) nhân thọ

Số HĐBH nhân thọ: ..... hoặc Số GYCBH (nếu chưa có HĐBH nhân thọ): .....
Thời hạn bảo hiểm: Từ ... / ... / ... đến ... / ... / ...
Người được bảo hiểm: .....
Ngày tháng năm sinh: ..... Số CMND/Hộ chiếu: .....
Số tiền bảo hiểm: ..... Tại Bảo Việt Nhân Thọ: .....

3. Thời hạn bảo hiểm: ..... năm từ ... / ... / ... đến ... / ... / ...
(Thời hạn bảo hiểm tương ứng của từng Người được bảo hiểm được quy định chi tiết tại Mục 4).

4. Danh sách Người được bảo hiểm (NĐBH), Số tiền bảo hiểm (STBH), Phí bảo hiểm

Số tiền bảo hiểm Điều kiện A = B = C: ..... đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu	Giới tính	Quan hệ với BMBH	Tuổi của NĐBH	Thời hạn bảo hiểm (Từ / / đến / /)	Phí bảo hiểm/ năm (đồng)
Tổng phí bảo hiểm/năm								

5. Thông tin về Người thụ hưởng

Thực hiện theo Phụ lục – Danh sách người thụ hưởng đính kèm Giấy yêu cầu bảo hiểm này. Trong trường hợp không có phụ lục chỉ định Người thụ hưởng kèm theo, thực hiện theo quy định của Pháp luật về thừa kế.

6. Các câu hỏi về y tế *(điền dấu V vào ô trả lời đúng)*

6.1 Có Người được bảo hiểm nào trong danh sách yêu cầu bảo hiểm trên đang theo dõi hoặc điều trị thương tật, bệnh tật hay không?

☐ Có ☐ Không

6.2 Có Người được bảo hiểm nào trong danh sách yêu cầu bảo hiểm trên mắc một hay các bệnh: ung thư và u các loại, huyết áp, tim mạch, loét dạ dày, viêm đa khớp mãn tính, loét ruột, viêm gan các loại, viêm màng trong dạ con, trĩ, sỏi trong các hệ thống tiết niệu và đường mật, đục thủy tinh thể, viêm xoang, Parkinson, bệnh đái tháo đường, bệnh liên quan đến hệ thống tái tạo máu?

☐ Có ☐ Không

Nếu câu trả lời là "có" ở 1 trong 2 câu hỏi trên, vui lòng nêu thông tin chi tiết (họ và tên Người được bảo hiểm, tên bệnh, thời điểm chẩn đoán bệnh, phương pháp điều trị, tình trạng hiện tại, cơ sở điều trị)

www.baoviet.com.vn/baohiem

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

1. Giao kết HĐBH

iv. Chấp nhận bảo hiểm:

- Nhà bảo hiểm xét duyệt Giấy yêu cầu bảo hiểm phù hợp, đồng ý chấp nhận bảo hiểm và đóng dấu vào Giấy yêu cầu bảo hiểm đó.
- Những điều kiện chung của HĐBH: các rủi ro được bảo hiểm, rủi ro loại trừ, quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan, các điều quy định liên quan đến tổn thất, quy định về thẩm quyền và thời hạn mất thẩm quyền trong trường hợp có tranh chấp.
- Ngoài ra, một HĐBH còn có những điều kiện bổ sung và điều kiện riêng.

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

1. Giao kết HĐBH

v. Thỏa thuận việc nộp phí:

- Bảo hiểm tài sản: điều kiện nộp phí không do pháp luật quy định, chỉ cần các bên thỏa thuận với nhau
- Bảo hiểm nhân thọ: việc nộp phí là điều kiện để cho trách nhiệm bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực.

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

1. Giao kết HĐBH

vi. Cấp đơn bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm:

- Là bằng chứng giao kết hợp đồng và chúng chỉ đề cập đến những thông tin vắn tắt trong HĐBH

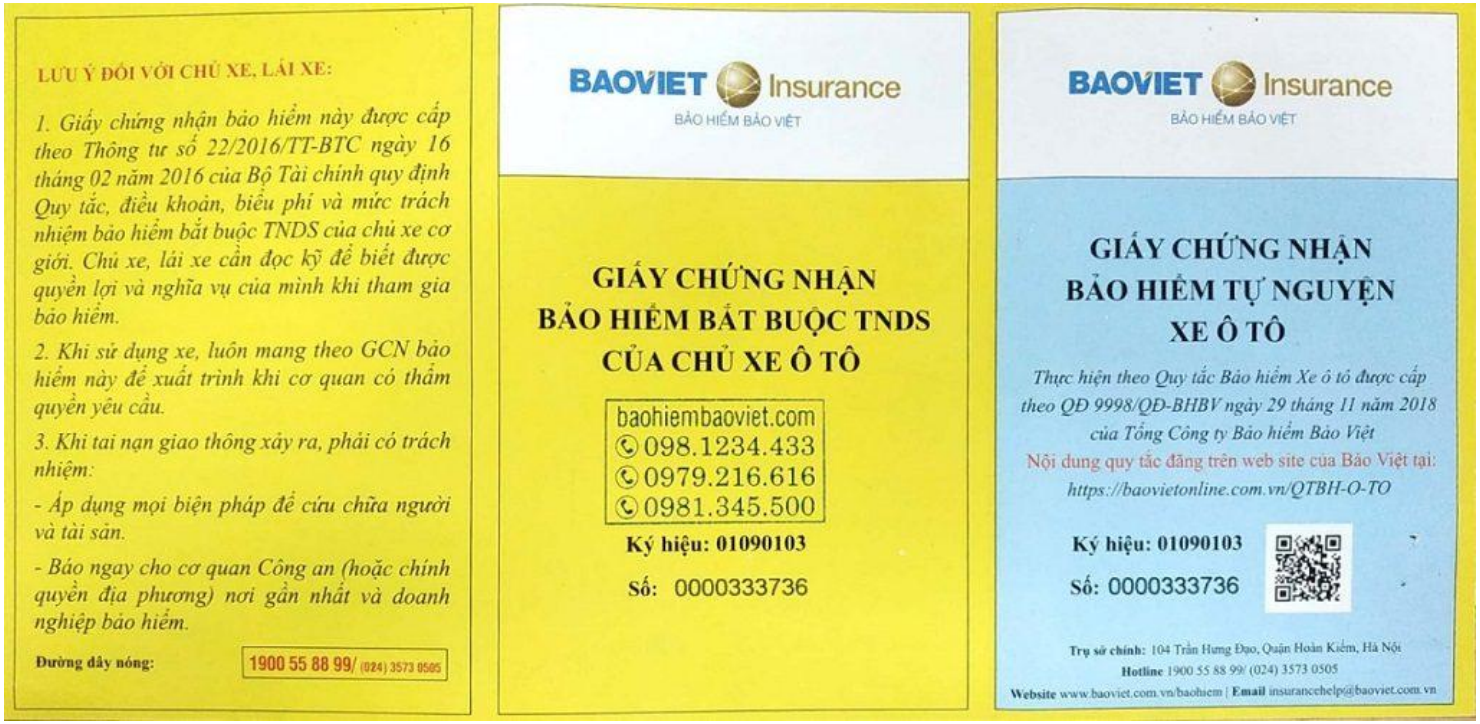

LƯU Ý ĐỐI VỚI CHỦ XE, LÁI XE:

1. Giấy chứng nhận bảo hiểm này được cấp theo Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới. Chủ xe, lái xe cần đọc kỹ để biết được quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm.

2. Khi sử dụng xe, luôn mang theo GCN bảo hiểm này để xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

3. Khi tai nạn giao thông xảy ra, phải có trách nhiệm:

- Áp dụng mọi biện pháp để cứu chữa người và tài sản.

- Báo ngay cho cơ quan Công an (hoặc chính quyền địa phương) nơi gần nhất và doanh nghiệp bảo hiểm.

Đường dây nóng: 1900 55 88 99/ (024) 3573 0505

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM BẮT BUỘC TNDS CỦA CHỦ XE Ô TÔ

baohiembaoviet.com
098.1234.433
0979.216.616
0981.345.500

Ký hiệu: 01090103

Số: 0000333736

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE Ô TÔ

Thực hiện theo Quy tắc Bảo hiểm Xe ô tô được cấp theo QĐ 9998/QĐ-BHBV ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

Nội dung quy tắc đăng trên web site của Bảo Việt tại: *https://baovietonline.com.vn/QTBH-O-TO*

Ký hiệu: 01090103

Số: 0000333736

Trụ sở chính: 104 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Hotline 1900 55 88 99/ (024) 3573 0505
Website www.baoviet.com.vn/baohiem | **Email** insurancehelp@baoviet.com.vn

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

2. Thực hiện HĐBH

i. Điều chỉnh hợp đồng:

- Nếu có những thay đổi phát sinh thì người được bảo hiểm có thể thông báo cho đại lý hay môi giới bảo hiểm

ii. Tái tục hợp đồng:

- Hồ sơ tái tục cần phải được hoàn tất trước ngày tái tục chính thức khoảng 4 tuần. Cần đảm bảo không có thời gian gián đoạn bảo hiểm trong giai đoạn tái tục hợp đồng

iii. Giải quyết khiếu nại:

- Nhà bảo hiểm cần phải kiểm tra thời hạn hiệu lực của hợp đồng và việc đóng phí của người tham gia bảo hiểm trước khi bồi thường.

IV.5. Các giai đoạn thực hiện HĐBH

3. Chấm dứt HĐBH

i. Đình chỉ mặc nhiên:

- Một trong hai bên ký kết hợp đồng không còn năng lực pháp luật dân sự.
- Sự kiện bảo hiểm đã xảy ra và nhà bảo hiểm đã bồi thường.
- Không còn tồn tại rủi ro đối với đối tượng được bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm không còn quyền lợi được bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm không đảm bảo việc đóng phí.

ii. Đình chỉ, hủy bỏ do hai bên vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.

iii. Đình chỉ, hủy bỏ do thỏa thuận giữa hai bên.

Nội dung Chương 6

I. **Bảo hiểm xã hội**

II. **Bảo hiểm y tế**

III. **Bảo hiểm thất nghiệp**

IV. **Bảo hiểm tiền gửi**

I. Bảo hiểm xã hội (BHXH)

1. **Khái niệm BHXH**
2. **Đặc điểm BHXH**
3. **Đốitượng BHXH**
4. **Hình thức BHXH**
5. **Phạm vi BHXH**
6. **Vai trò của BHXH**
7. **Hệ thống các chế độ BHXH**
8. **Cơ chế hình thành, sử dụng quỹ BHXH**

I. 1. Khái niệm BHXH

❖ **Khái niệm:**

- BHXH là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH (Điều 3, luật BHXH).
- BHXH là loại hình bảo hiểm danh cho tất cả mọi người trong xã hội, đem một phần thu nhập bình thường để dành cho việc sử dụng khi gặp khó khăn.

I. 1. Khái niệm BHXH

- **Lịch sử ra đời của BHXH:**
  - Trên thế giới:
    - ✓ Ra đời những năm giữa kế kỷ 19, khi nền công nghiệp và kinh tế hàng hóa đã bắt đầu phát triển mạnh mẽ ở các nước châu Âu
    - ✓ Từ năm 1883, nước Phổ (nước Đức ngày nay) ban hành luật BHYT. Các nước Châu Âu và Bắc Mỹ đến cuối năm 1920 mới có luật BHXH
  - Tại Việt Nam: BHXH được thực hiện ở Việt Nam từ năm 1945 và đã trải qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi, đặc biệt trong các năm 1961; 1985 ; 1995 và 2014

I. 2. Đặc điểm BHXH

- **Đặc điểm:**
  1. **Tính tất yếu khách quan trong đời sống xã hội**
  2. **Tính ngẫu nhiên**
  3. **Tính kinh tế - xã hội**

I.3. Đối tượng BHXH

- **Đối tượng BHXH:**
  - Đối tượng của BHXH chính là thu nhập của người lao động bị biến động giảm hoặc mất đi (do bị giảm hoặc mất khả năng lao động, mất việc làm) của những người lao động tham gia BHXH.
- **Đối tượng tham gia BHXH**
  - Người lao động
  - Người sử dụng lao động

I.4. Hình thức BHXH

- **BHXH bắt buộc:**
  - Là loại hình BHXH mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia.
- **BHXH tự nguyện**
  - Là loại hình BHXH mà người lao động tự nguyện tham gia, được lựa chọn mức đóng và phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình để hưởng BHXH
- **BHXH thất nghiệp**:

I.5. Phạm vi BHXH

Rủi ro, sự kiện phát sinh

Ảnh hưởng trực tiếp

Thu nhập

Ảnh hưởng trực tiếp

Chi tiêu

Ngân sách gia đình thâm hụt

BHXH

Hỗ trợ bù đắp

Mất khả năng thanh toán những nhu cầu sinh sống thiết yếu

I.6. Vai trò của BHXH

❖ **Vai trò:**

- Ổn định, thúc đẩy sản xuất phát triển, khuyến khích người lao động an tâm lao động.
- Góp phần thực hiện mục tiêu đảm bảo an toàn xã hội về kinh tế.
- Tạo lập hệ thống an toàn chính trị - xã hội, giữ vững trật tự an ninh xã hội.
- Góp phần tạo nguồn vốn để đầu tư phát triển xã hội

=> **BHXH là chính sách xã hội quan trọng của quốc gia**

I.7. Hệ thống các chế độ BHXH

❖ **Khái niệm:**

- Chế độ BHXH là sự cụ thể hóa chính sách BHXH, là hệ thống cá quy định cụ thể và chi tiết, là sự bố trí, sắp xếp các phương tiện để thực hiện BHXH đối với người lao động.
- Chế độ BHXH thường được biểu hiện dưới dạng các văn bản pháp luật và dưới luật, các thông tư, điều lệ,...

I.7. Hệ thống các chế độ BHXH

❖ **Đặc điểm:**

- Được xây dựng theo luật pháp mỗi nước
- Mang tính chất chia sẻ rủi ro, chia sẻ tài chính
- Chi trả căn cứ vào mức đóng góp của các bên tham gia BHXH
- Phần lớn các chế độ là chi trả định kỳ
- Đồng tiền được sử dụng làm phương tiện chi trả và thanh quyết toán
- Được điều chỉnh định kỳ để phản ánh hết sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội

I.7. Hệ thống các chế độ BHXH

❖ **Hệ thống các chế độ BHXH:**

1. Chăm sóc y tế
2. Trợ cấp ốm đau
3. Trợ cấp thất nghiệp
4. Trợ cấp tuổi già
5. Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
6. Trợ cấp gia đình
7. Trợ cấp sinh đẻ
8. Trợ cấp khi tàn phế
9. Trợ cấp mất người nuôi dưỡng

ILO, Công ước 102, 06/1952, Geneve (Thụy sĩ)

I.7. Hệ thống các chế độ BHXH

❖ Hệ thống các chế độ BHXH tại Việt Nam:

Điều 4, Luật BHXH

BHXH bắt buộc	BHXH tự nguyện	BH thất nghiệp
1. Ốm đau	1. Hưu trí	1. Trợ cấp thất nghiệp
2. Thai sản	2. Tử tuất	2. Hỗ trợ học nghề
3. Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		3. Hỗ trợ tìm việc làm
4. Hưu trí		
5. Tử tuất		

I.8. Cơ chế hình thành sử dụng quỹ BHXH

❖ **Khái niệm quỹ BHXH:**

- Quỹ BHXH là quỹ tài chính độc lập, tập trung nằm ngoài ngân sách nhà nước. Quỹ có mục đích và chủ thể riêng.
- Mục đích tạo lập quỹ BHXH là dùng để chi trả cho người lao động, giúp họ ổn định cuộc sống khi gặp các biến cố hoặc rủi ro

I.8. Cơ chế hình thành sử dụng quỹ BHXH

❖ **Đặc điểm của quỹ BHXH:**

- Quỹ ra đời, tồn tại và phát triển gắn với mục đích đảm bảo ổn định cuộc sống cho người lao động.
- Phân phối quỹ BHXH vừa mang tính chất hoàn trả, vừa mang tính chất không hoàn trả.
- Quá trình tích lũy quỹ BHXH mang tính nguyên tắc.
- Quỹ BHXH là hạt nhân, là nội dung vật chất của tài chính BHXH.
- Sự ra đời, tồn tại và phát triển quỹ BHXH phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện lịch sử.

I.8. Cơ chế hình thành sử dụng quỹ BHXH

❖ Cơ chế hình thành quỹ BHXH:

Người lao động đóng góp

Nhà nước đóng và hỗ trợ thêm

Người sử dụng lao động đóng góp

Quỹ BHXH

Các nguồn khác

1. Quỹ ốm đau, thai sản
2. Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
3. Quỹ hưu trí, tử tuất

I.8. Cơ chế hình thành sử dụng quỹ BHXH

❖ **Cơ chế hình thành quỹ BHXH:**

- Mức trích BHXH qua từng thời kỳ

Giai đoạn	DN (%)	NLĐ (%)	Cộng (%)
1995 – 2009	19	6.0	25
2010 – 2011	22	8.5	30.5
2012 – 2013	23	9.5	32.5
01/2014	24	10.5	34.5

I.8. Cơ chế hình thành sử dụng quỹ BHXH

❖ **Cơ chế hình thành quỹ BHXH:**

- Các khoản trích theo lương vào quỹ BHXH kể từ 2014

Khoản trích theo lương	DN (%)	NLĐ (%)	Cộng (%)
1. BHXH	17	7	24
2. BHYT	3	1.5	4.5
3. BHTN	1	1	2
4. KPCĐ	2	-	2
Cộng (%)	**23**	**9.5**	**32.5**

I.8. Cơ chế hình thành sử dụng quỹ BHXH

❖ **Cơ chế sử dụng quỹ BHXH:**

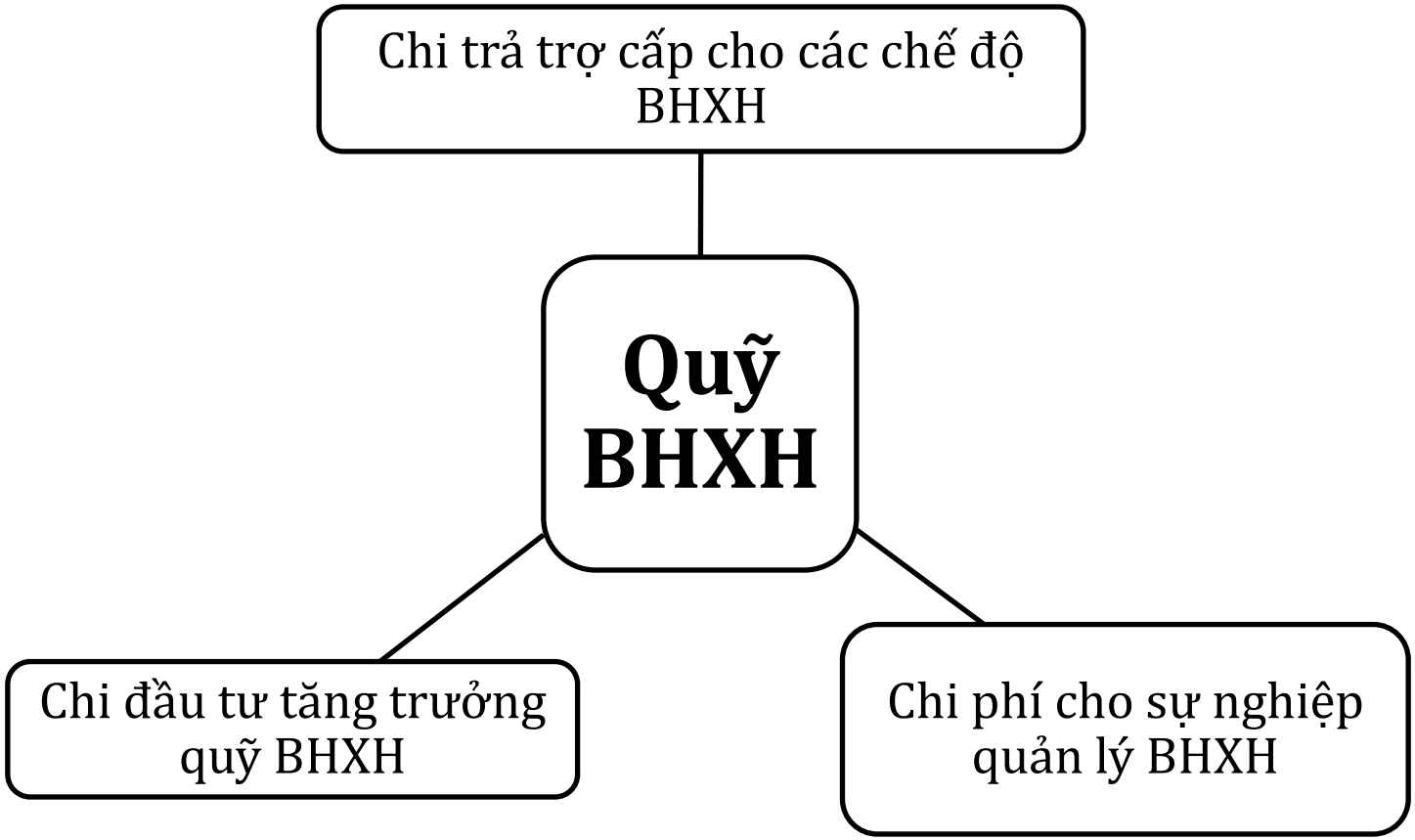

I.8. Cơ chế hình thành sử dụng quỹ BHXH

- **Hoạt động đầu tư của quỹ BHXH:**
- **Nguyên tắc:** an toàn, có lợi nhuận, có khả năng thanh toán và đảm bảo lợi ích kinh tế - xã hội.
- Theo đó, một số hình thức đầu tư như:
  - Mua trái phiếu, tín phiếu, công trái của nhà nước, của ngân hàng thương mại nhà nước.
  - Cho ngân hàng thương mại nhà nước vay.
  - Đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia.
  - Các hình thức đầu tư khác do Chính phủ quy định.

II. Bảo hiểm y tế (BHYT)

1. **Khái niệm BHYT**
2. **Đặc điểm BHYT**
3. **Đối tượng BHYT**
4. **Hình thức BHYT**
5. **Phạm vi BHYT**
6. **Vai trò BHYT**
7. **Cơ chế hình thành, sử dụng quỹ BHYT**

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

Mã số CN 3 01 0003500099

Ảnh 2 x 3 cm

Họ và tên: PHẠM VĂN A

Ngày sinh: 23/07/1980 Giới tính: Nam K1

Địa chỉ: 39 Trần Quang Diệu, Đống Đa, Hà Nội.

Nơi ĐK KCB BĐ: TTYT quận Đống Đa Mã: 01-123

Giá trị sử dụng từ ngày 01/07/2017.

Thời điểm đủ 05 năm liên tục: từ ngày 01/7/2015

Ngày 25 tháng 6 năm 2017

GIÁM ĐỐC BHXH TP HÀ NỘI

Nguyễn Thị B

II.1. Khái niệm BHYT

- **Khái niệm:**
  - BHYT là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhận, do Nhà nước tổ chức thực hiện và các đối tượng có trách nhiệm tham gia theo quy định của Luật BHYT (Điều 2, Luật BHYT).

II.2. Đặc điểm BHYT

❖ **Đặc điểm:**

- BHYT có đối tượng tham gia rộng rãi, bao gồm mọi thành viên trong xã hội không phân biệt giới tính, tuổi tác, khu vực làm việc, hình thức quan hệ lao động,...
- BHYT không nhằm bù đắp cho thu nhập cho người hưởng bảo hiểm (như chế độ BHXH ốm đau, tai nạn lao động,...) mà nhằm chăm sóc sức khỏe cho họ khi họ bị bệnh tật, ốm đau,...trên cơ sở quan hệ BHYT mà họ tham gia
- BHYT là chi phí ngắn hạn, không xác định trước, không phụ thuộc vào thời gian đóng, mức đóng mà phụ thuộc vào mức độ bệnh tật và khả năng cung ứng các dịch vụ y tế.

II.3. Đối tượng BHYT

- **Đối tượng của BHYT:**
  - Sức khỏe của người được BHYT
- Đối tượng tham gia BHYT:
  - Mọi người dân có nhu cầu BHYT cho sức khỏe của mình, hoặc cũng có thể là người đại diện cho một tập thể, đơn vị, cơ quan,...

(thời kỳ đầu của BHYT thông thường có 2 nhóm đối tượng tham gia BHYT: bắt buộc và tự nguyện)

II.4. Hình thức BHYT

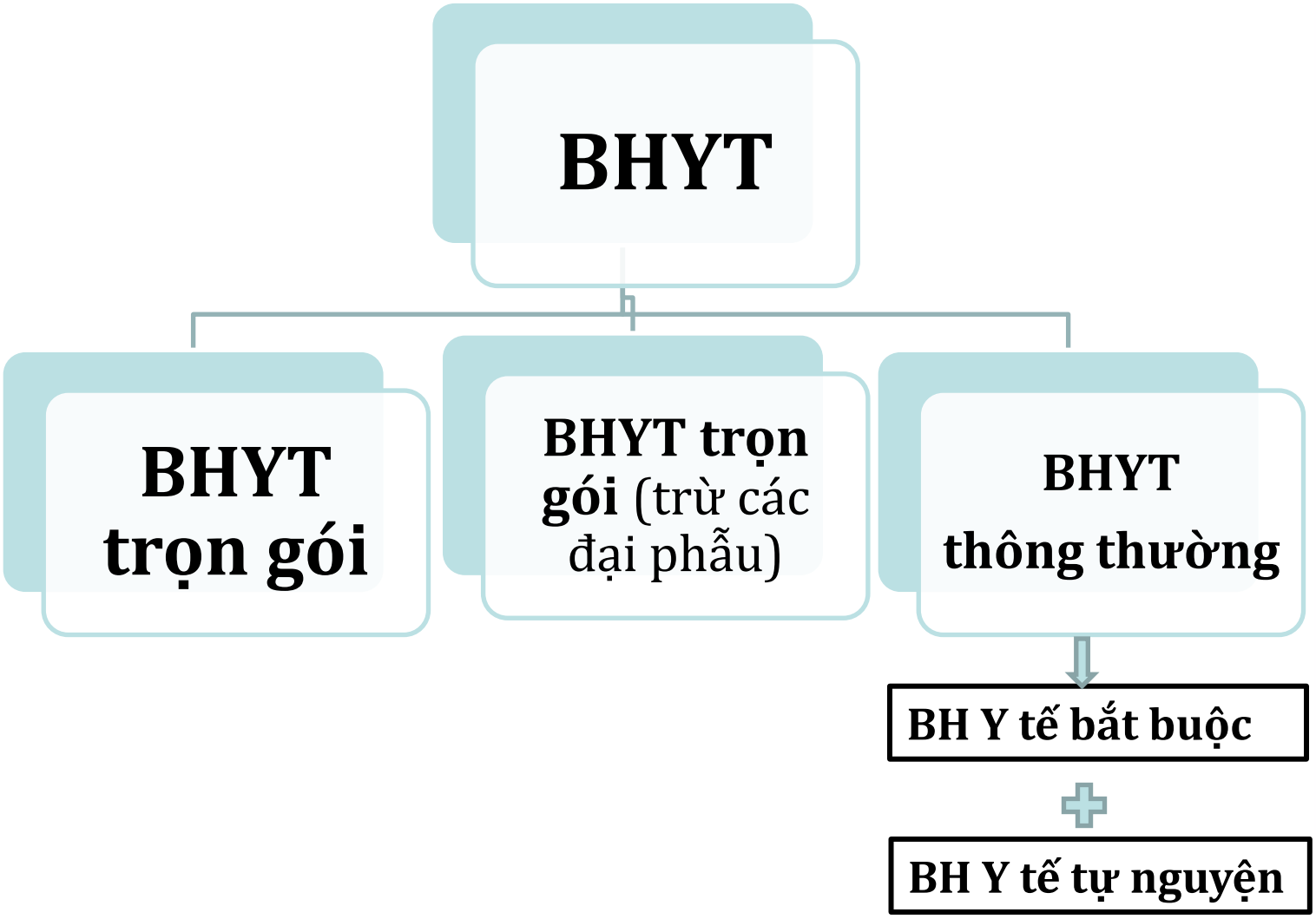

II.5. Phạm vi BHYT

- **Phạm vi của BHYT:**
  - Phạm vi rất linh hoạt
  - Những rủi ro về sức khỏe như ốm đau, bệnh tật đều được thanh toán các khoản chi phí phát sinh có liên quan đến điều trị, khám bệnh hoặc phẫu thuật;
  - Loại trừ những trường hợp cố tình hủy hoại thân thể hoặc vi phạm pháp luật dẫn đến phải điều trị, phẫu thuật.

II.5. Phạm vi BHYT

- **Phạm vi của BHYT tại Việt Nam:**
  - Khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khám thai định kỳ, sinh con
  - Khám bệnh để sàng lọc, chuẩn đoán sớm một số bệnh
  - Vận chuyển người bệnh từ tuyến huyện lên tuyến trên đối với đối tượng (quy định tại các khoản 9;13;14;17 và 20 Điều 12 của Luật BHYT) trong trường hợp cấp cứu hoặc khi đang điều trị nội trú phải chuyển tuyến chuyên môn kỹ thuật.

II.6. Vai trò của BHYT

❖ **Vai trò:**

- Khắc phục sự thiếu hụt về tài chính, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh.
- Góp phần nâng cao các cơ sở khám chữa bệnh và điều trị, giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước;
- Tạo điều kiện để mọi người dân được tiếp cận với những dịch vụ y tế hiện đại

=> BHYT góp phần đảm bảo công bằng xã hội

II.7. Cơ chế hình thành, sử dụng quỹ BHYT

- **Cơ chế hình thành quỹ BHYT:** Quỹ BHYT được hình thành dựa trên một số nguồn, bao gồm:
  - Đóng góp của người tham gia BHYT
  - Hỗ trợ của ngân sách nhà nước
  - Đóng góp của các tổ chức từ thiện
  - Lãi do đầu tư phần Quỹ nhà rỗi

II.7. Cơ chế hình thành, sử dụng quỹ BHYT

- **Cơ chế sử dụng quỹ BHYT:** Quỹ BHYT được sử dụng để:
  - Chi thanh toán chi phí y tế
  - Chi dự trữ, dự phòng dao động lớn
  - Chi đề phòng, hạn chế tổn thất
  - Chi quản lý

III. Bảo hiểm thất nghiệp BHTN

1. **Khái niệm BHTN**
2. **Đặc điểm BHTN**
3. **Đối tượng BHTN**
4. **Hình thức BHTN**
5. **Phạm vi BHTN**
6. **Vai trò BHTN**
7. **Cơ chế hình thành, sử dụng quỹ BHTN**

III.1. Khái niệm BHTN

- **Khái niệm thất nghiệp:**
  - Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một số người trong độ tuổi lao động muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm trong mức lương thịnh hành.
- Nguyên nhân thất nghiệp:
  - Sự thay đổi của chu kỳ kinh doanh
  - Tiến bộ của khoa học kỹ thuật
  - Sự gia tăng dân số và nguồn lao động
  - Sở thích của người lao động về công việc và địa điểm làm việc

III.1. Khái niệm BHTN

❖ **Khái niệm thất nghiệp:**

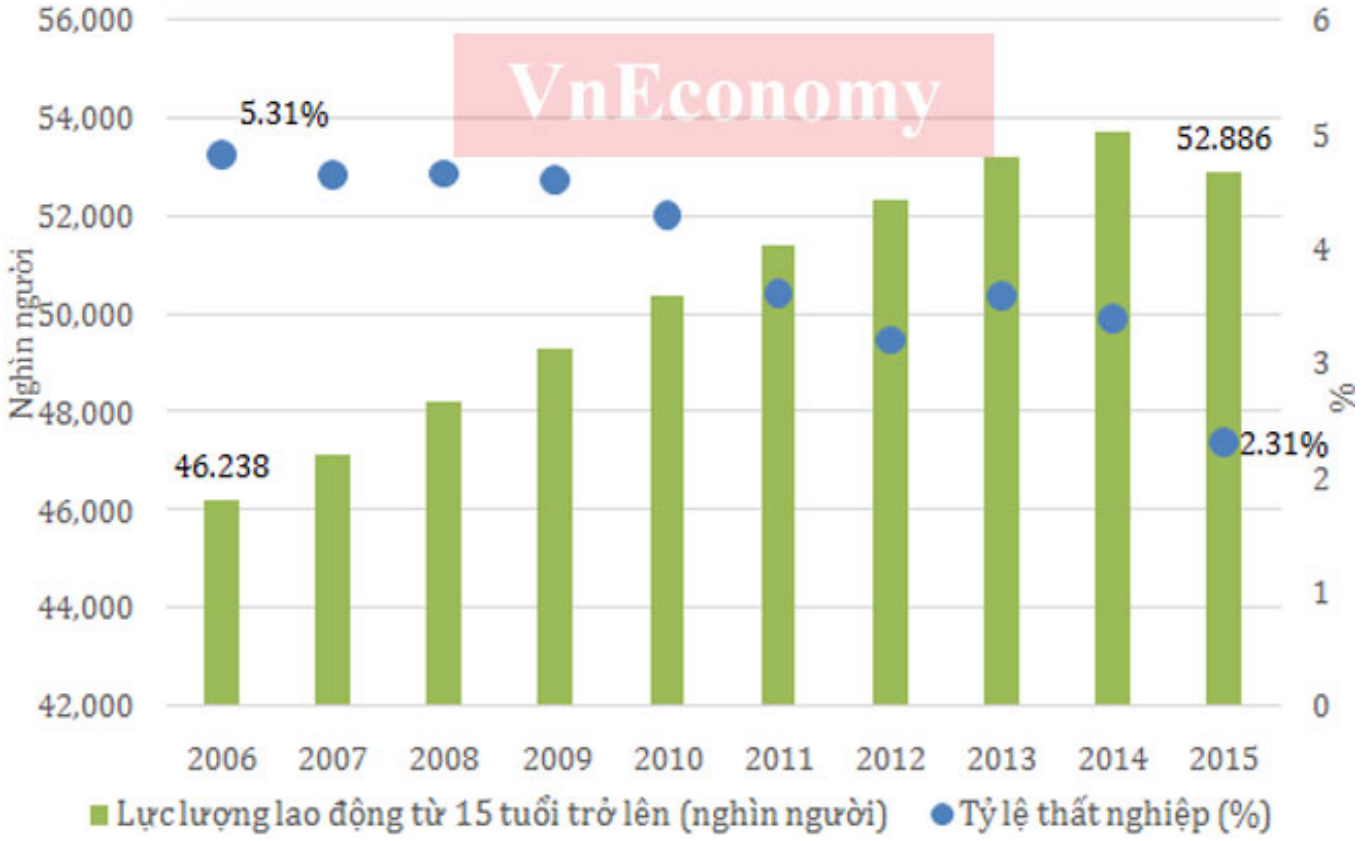

III.1. Khái niệm BHTN

❖ **Phân loại thất nghiệp:**

Theo tính chất thất nghiệp	**Theo ý chí người lao động**	**Theo mức độ thất nghiệp**
1. TN tự nhiên	1. TN tự nguyện	1. TN toàn phần
2. TN Cơ cấu	2. TN không tự nguyện	2. TN bán phần
3. TN tạm thời		
4. TN chu kỳ		
5. TN thời vụ		
6. TN công nghệ		

III.1. Khái niệm BHTN

- **Hậu quả của thất nghiệp:**
  - **Đối với nền kinh tế:** lãng phí nguồn lực xã hội, làm nền kinh tế bị đình đốn, chậm phát triển, làm khả năng sản xuất thực tế kém hơn tiềm năng;
  - **Đối với xã hội:** làm cho người lao động hoang mang, buồn chán và thất vọng, tinh thần luôn bị căng thẳng dẫn đến khủng hoảng lòng tin.
  - Thất nghiệp gia tăng còn làm cho tình hình chính trị xã hội bất ổn, hiện tượng bãi công, biểu tình có thể xảy ra

III.1. Khái niệm BHTN

- **Khái niệm BHTN:**
  - **BHTN** là bảo hiểm bồi thường cho người lao động bị thiệt hại về thu nhập do bị mất việc làm để họ ổn định cuộc sống và có điều kiện tham gia vào thị trường lao động.
  - BHTN xuất hiện lần đầu tiên ở Châu Âu, trong một nghề khá phổ biến và phát triển: nghề sản xuất các mặt hàng thủy tinh ở Thụy Sĩ (Quỹ BHTN tự nguyện đầu tiên ra đời tại Berne vào 1893).

III.2. Đặc điểm BHTN

- **Đặc điểm BHTN:**
  - Không có hợp đồng trước
  - Người tham gia và người thụ hưởng quyền lợi là một
  - Không có việc chuyển rủi ro của những người bị thất nghiệp sang những người khác có khả năng thất nghiệp
  - Không có dự báo chính xác về số lượng và phạm vi và có thể bị thiệt hại về kinh tế rất lớn, đặc biệt là trong những thời kỳ nền kinh tế bị khủng hoảng.

III.3. Đối tượng BHTN

- **Đối tượng của BHTN:**
  - Thu nhập của người lao động
- **Đối tượng tham gia BHTN:**
  - Người lao động
  - Người sử dụng lao động

  (các nước đều quy định đối tượng tham gia BHTN là những người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động)

III.4. Hình thức BHTN

- **Căn cứ vào mức độ bắt buộc của BHTN:**
  - BHTN bắt buộc
  - BHTN tự nguyện
- **Căn cứ vào hình thức triển khai BHTN:**
  - Trợ cấp thất nghiệp
  - Hỗ trợ học nghề
  - Hỗ trợ tìm việc làm
  - BH y tế

III.5. Phạm vi BHTN

- **Rủi thuộc phạm vi BHTN:** rủi ro nghề nghiệp, rủi ro việc làm
- **Điều kiện để được hưởng BHTN:**
  - Người tham gia BH phải nộp phí BH đúng quy định
  - Thất nghiệp không phải do lỗi của người lao động
  - Phải đăng ký thất nghiệp và đang tìm kiếm việc làm
  - Phải sẵn sàng làm việc
  - Phải có sổ BHTN

III.6. Vai trò BHTN

❖ **Vai trò:**

- Trợ giúp về mặt tài chính cho người thất nghiệp để họ ổn định cuộc sống cá nhân và gia đình
- Tạo điêu kiện cho người thất nghiệp tham gia vào thị trường lao động để có cơ hội mới về việc làm
- Góp phần hạn chế phát sinh những hiện tượng tiêu cực trong xã hội

=> BHTN là hạt nhân của thị trường lao động

III.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTN

- **Cơ chế hình thành quỹ BHTN: Quỹ BHTN được hình thành dựa trên:**
  - Người tham gia BHTN đóng góp
  - Người sử dụng lao động đóng góp
  - Nhà nước bù thiếu
  - Lãi do đầu tư phần quỹ nhàn rỗi

III.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTN

❖ Cơ chế hình thành quỹ BHTN:

Nước	Tỷ lệ đóng góp (%)			Nhà nước bù thiếu (%)
	Người lao động	Người sử dụng lao động	Tổng	
1. Bỉ	0,87	1,23	2,1	97,9
2. Ba Lan	0	2	2	98
3. Pháp	2,97	4,43	7,4	92,6
4. Hà Lan	1,87	1,87	3,74	96,26
5. Đức	2,15	2,15	4,3	95,7
6. Hy Lạp	1,2	2	3,32	96,68

III.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTN

- **Cơ chế sử dụng quỹ BHTN: Quỹ BHTN được sử dụng để:**
  - Chi trả trợ cấp BHTn
  - Chi hỗ trợ phục hồi cho người lao động
  - Chi cho tổ chức hoạt động BHTN

III.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTN

- **Mức trợ cấp BHTN:**
  - **Cơ sở để xác định mức trợ cấp BHTN:**
    - Mức lương tối thiểu
    - Mức lương bình quân cá nhân
    - Mức lương tháng cuối cùng trước khi bị thất nghiệp

International Labour Organization

Theo ILO, mức trợ cấp BHTN tối thiểu bằng 45% thu nhập trước khi thất nghiệp

III.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTN

- **Mức trợ cấp BHTN:**
  - **Phương pháp xác định mức trợ cấp BHTN**:
    1. Xác định theo một tỷ lệ đồng đều căn cứ vào mức lương tiêu chuẩn
    2. Xác định theo tỷ lệ giảm dần so với tiền lương tháng cuối cùng
    3. Xác định theo tỷ lệ lũy tiến điều hòa

    (*) Ngoài ra, có nước còn căn cứ vào số con trong gia đình, lao động tri óc hay chân tay, thành thị hay nông thôn để xác định mức trợ cấp BHTN.

III.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTN

- **Mức trợ cấp BHTN:**
  - **Thời gian hưởng trợ cấp BHTN**:
    - Nhìn chung, các nước quy định thời hạn trợ cấp tối đa từ 12 đến 52 tuần
    - Thời hạn tạm chờ từ 3 đến 7 ngày đầu thất nghiệp không được hưởng trợ cấp.

** Nếu quá thời hạn trợ cấp tối đa mà người thất nghiệp vẫn chưa có việc làm thì buộc phải ngừng trợ cấp*.

IV.Bảo hiểm tiền gửi

1. **Khái niệm BHTG**
2. **Đặc điểm BHTG**
3. **Đối tượng BHTG**
4. **Hình thức BHTG**
5. **Phạm vi BHTG**
6. **Vai trò của BHTG**
7. **Cơ chế hình thành, sử dụng quỹ BHTG**

IV.1. Khái niệm BHTG

❖ **Khái niệm:**

- BHTG là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được BHTG trong hạn mức trả tiền BH khi tổ chức tham gia BHTG lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền hoặc phá sản.

Gửi tiền →

BH tiền gửi ←

Tham gia BHTG →

DIV BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

Người được BHTG	Tổ chức tham gia BHTG	Tổ chức BHTG

IV.1. Khái niệm BHTG

- **Lịch sử ra đời BHTG:**
  - Tổ chức BHTG đầu tiên trên thế giới được thành lập là Bảo hiểm tiền gửi liên ban Mỹ (FDIC), chính thức hoạt động từ tháng 2 năm 1934.
  - Tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (Deposit Insurance of Vietnam – DIV) là tổ chức tài chính nhà nước, chính thức hoạt động từ ngày 07/07/2000 với chức năng cơ bản là giám sát và chi trả tiền gửi được BH cho người gửi tiền.

IV.2. Đặc điểm BHTG

❖ **Đặc điểm:**

1. Loại hình bảo hiểm bắt buộc
2. Phí bảo hiểm tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho từng tổ chức tín dụng

IV.3. Đối tượng BHTG

- **Đối tượng BHTG:**
  - Là trách nhiệm của các tổ chức tín dụng đối với các khoản tiền gửi.
- **Đối tượng tham gia BHTG:**
  - Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân trừ ngân hàng chính sách.

IV.3. Đối tượng BHTG

- **Tiền gửi được bảo hiểm:**
  - Là tiền gửi bằng đồng VND của cá nhân, dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu.
- **Tiền gửi không được bảo hiểm:**
  - Người sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính TCTD đó,
  - Thành viên Hội đồng thành viên, HĐQT, BKS, TGĐ (Giám đốc), Phó TGĐ (Phó Giám đốc) của chính TCTD đó,
  - Giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành

IV.4. Hình thức BHTG

- **Hình thức BHTG:**
  - Bảo hiểm tiền gửi là loại hình bảo hiểm bắt buộc (Điều 5, Khoản 1, Luật BHTG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TIỀN GỬI

BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:

Tổ chức tài chính vi mô TNHH M7

Đã tham gia bảo hiểm tiền gửi tại Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2015
Mỗi người gửi tiền tại Tổ chức nhận tiền gửi này được bảo hiểm
cả gốc và lãi tới mức 50.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2015
TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: 01304.0001.1 / CN-BHTG

Nguyễn Quang Huy

IV.5. Phạm vi BHTG

- **Phạm vi BHTG:** trong BHTG, các rủi ro sau đây được BH:
  - Sự phá sản của tổ chức tín dụng (TCTD)
  - Sự giải thể bắt buộc của TCTD
  - Phải chấp hành lệnh thanh lý vì một lý do khác với việc phá sản hay mất khả ăng thanh toán của TCTD
  - Giải thể tự nguyện do bị đặt trong tình trạng có nguy cơ dẫn đến phá sản của TCTD
  - Không thể thực hiện việc thanh toán cho những người gửi tiền vì một mệnh lệnh của tòa án đối với TCTD.

IV.6. Vai trò của BHTG

❖ **Vai trò:**

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.
- Duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD
- Đảm bảo sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

=> **BHTG có vai trò quan trọng đối với kinh tế nói chung và an toàn hệ thống tài chính quốc gia nói riêng.**

IV.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTG

- **Cơ chế hình thành quỹ BHTG:** Quỹ BHTG được được hình thành dựa trên một số nguồn cơ bản sau:
  - Phí bảo hiểm tiền gửi
  - Nhà nước hỗ trợ
  - Lãi do đầu tư phần quỹ nhàn rỗi
  - Các nguồn khác

IV.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTG

❖ Cơ chế hình thành quỹ BHTG:

- Phí bảo hiểm tiền gửi
  - ✓ Cơ sở tính phí BHTG: căn cứ vào số dư tiền gửi trong báo cso số dư tiền gửi mỗi quỹ của TCTD
  - ✓ Công thức tính phí BHTG theo quý:

$$\mathbf{P = m.\frac{R}{365}.G}$$

trong đó:

- P : phí bảo hiểm theo quý
- m : số dư tiền gửi
- R: tỷ lệ phí BH
- G: số ngày của của một quý
- 365: số ngày trong năm

IV.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTG

- **Cơ chế sử dụng quỹ BHTG: Quỹ BHTG được sử dụng cho:**
  - Chi trả chế độ BHTG
  - Chi dự phòng
  - Chi sự nghiệp quản lý
  - Đầu tư tăng trưởng quỹ

IV.7. Cơ chế hình thành, sử dụng Quỹ BHTG
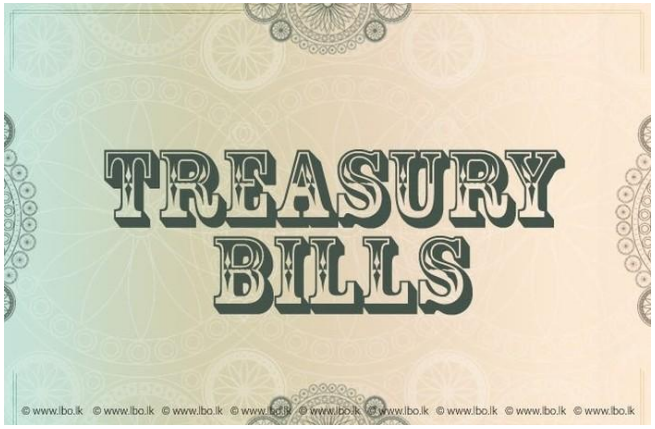
- **Các hoạt động đầu tư của quỹ BHTG:**
  1. Trái phiếu chính phủ
  2. Tín phiếu ngân hàng
  3. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam